

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THU DUNG

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THU DUNG

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

Chuyên ngành : Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số : 83.80.102

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. TRẦN MINH ĐỨC

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu trích dẫn trong luận văn dựa trên số liệu bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Lê Đình Hiếu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT TRONG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI.....	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò thực hiện pháp luật về bình đẳng giới	8
1.2. Nội dung và phương thức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới	15
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.....	24
CHƯƠNG 2. 29THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI	29
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến thực hiện pháp luật về bình đẳng giới	29
2.2. Tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại tỉnh Quảng Ngãi	31
2.3. Ưu điểm, hạn chế trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại tỉnh Quảng Ngãi	45
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI	56
3.1. Phương hướng tăng cường thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi	56
3.2. Các giải pháp tăng cường thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi	59
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDG	: Bình đẳng giới
CBCC	: Cán bộ, công chức
CEDAW	: Convention on the Elimination of all forms of Discrimination Against Women (<i>Công ước của Liên hiệp quốc về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ</i>)
HĐND	: Hội đồng nhân dân
UBND	: Ủy ban nhân dân
LHPN	: Liên hiệp phụ nữ
HIV/AIDS	: Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người. Tiếng Anh: Human immunodeficiency virus infection /acquired immunodeficiency syndrome

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1:	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp	33
Bảng 2.2:	Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội	34
Bảng 2.3:	Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu HĐND các cấp	34
Bảng 2.4:	Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan quản lý nhà nước tỉnh và huyện	35
Bảng 2.5:	Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức chính trị - xã hội	35

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

BĐG là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, BĐG đồng thời vừa là mục tiêu vừa là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội ổn định và đồng thuận, phát triển bền vững đất nước.

Trên phương diện pháp luật, BĐG hiện nay ở nước ta đã trở thành một chế định quan trọng và là nguyên tắc Hiến định (Khoản 1, Điều 26, Hiến pháp năm 2013), đây là cơ sở để tiếp tục thể chế hóa trong văn bản quy phạm pháp luật. Điều 4 Luật Bình đẳng giới năm 2006, *“mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình”*. Cho đến nay, nước ta đã có một hệ thống văn bản pháp luật khá đầy đủ, điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến BĐG trên các lĩnh vực của đời sống xã hội để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, phòng chống hành vi xâm phạm đến quyền BĐG như: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ bà mẹ và trẻ em, Luật Bình đẳng giới và một số luật khác cũng như các văn bản dưới luật có liên quan...Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, mang đến không ít sự bất công, thiệt thòi như: chế độ bảo hiểm, chế độ thai sản, một số chế tài pháp luật chưa nghiêm đối với những hành vi vi phạm quyền, nhân phẩm phụ nữ, quyền trẻ em... Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu nội dung thực hiện pháp luật về BĐG không chỉ là yêu cầu của các nhà nghiên cứu mà còn là nhu cầu thiết thực của từng công dân trong xã hội.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện pháp luật về BĐG thời gian qua đã đạt được một số kết quả nhất định như: nhận thức của các cấp ủy, chính

quyền về giới, BDG, về phụ nữ và công tác phụ nữ được nâng lên rõ rệt; các cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác BDG và vì sự tiến bộ của phụ nữ; đội ngũ cán bộ nữ có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng, đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và tinh thần trách nhiệm; vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được khẳng định; công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về BDG được đẩy mạnh; công tác phối hợp liên ngành được chú trọng góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu, mục tiêu về BDG đã đề ra. Bên cạnh đó, công tác này cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất định như: Tỷ lệ cán bộ nữ cơ cấu trong các cấp ủy đảng, HĐND, UBND, tham gia lãnh đạo, quản lý tại các địa phương, sở, ban, ngành, cán bộ khoa học nữ tuy có tăng qua từng năm nhưng vẫn chưa đạt chỉ tiêu đề ra; công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ nữ còn nhiều bất cập, nguồn cán bộ nữ còn thiếu; trình độ, năng lực, sự phấn đấu vươn lên của một bộ phận cán bộ nữ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; chưa hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BDG và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại thôn, tổ dân phố; khoảng cách về giới vẫn còn hạn chế, việc tiếp cận các dịch vụ trong lĩnh vực lao động, giải quyết việc làm chưa cao; lao động nữ không được đào tạo nghề chiếm tỷ lệ cao; tỷ lệ chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu thị trường còn thấp...[31, tr11].

Xuất phát từ quan điểm của Đảng, yêu cầu tiếp tục thực hiện có hiệu quả pháp luật về BDG và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết nói chung và tại địa phương tỉnh Quảng Ngãi nói riêng, bản thân nhận thấy cần có những nghiên cứu chuyên sâu, mang tính hệ thống vấn đề này tại địa phương để tìm ra giải pháp tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu BDG tại địa phương, xuất phát từ lý do đó tôi chọn đề tài: *“Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi”*, làm luận văn thạc sỹ luật học chuyên ngành luật hiến pháp - hành chính là có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Vấn đề BDG và pháp luật về BDG là nội dung được nhiều nhà khoa học quan tâm, đi sâu nghiên cứu được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau như: triết học, chính sách công, xã hội học, luật học... Theo tìm hiểu bước đầu của tác giả, đã có một số công trình khoa học nghiên cứu liên quan đến đề tài của luận văn, tiêu biểu là các công trình:

- Trần Thị Quốc Khánh (2012), Luận án tiến sỹ Luật học, “*Hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam*”. Công trình đã đề cập đến những vấn đề lý luận như: giới, BDG, pháp luật về BDG, đặc điểm của pháp luật BDG và các yếu tố ảnh hưởng. Nghiên cứu về pháp luật về BDG một số nước trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về BDG từ năm 1992 đến 2012 trên các phương diện kết quả, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất một số quan điểm, giải pháp thực hiện pháp luật BDG ở Việt Nam.

- Lê Thị Hằng (2012), Luận văn thạc sỹ luật học, “*Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay*”, đã đề cập đến thực trạng thực hiện pháp luật BDG ở Việt Nam, đánh giá những thành tựu, hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về BDG và nguyên nhân của những hạn chế đó. Đưa ra kiến nghị và giải pháp chủ yếu để hoàn thiện pháp luật bảo BDG ở Việt Nam hiện nay.

- Lê Thị Thu Hường (2016), Luận văn thạc sỹ luật học, “*Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*”. Đã đề cập đến một số vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật về BDG. Đánh giá thực trạng pháp luật về BDG tại thành phố Đà Nẵng trên các phương diện thành tựu, hạn chế. Trên cơ sở đó, đã đề xuất một số giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về BDG tại thành phố Đà Nẵng.

- Trịnh Đình Thê, (2007), “*Suy nghĩ về bình đẳng giới dưới góc nhìn pháp luật*”, NXB Tư pháp, công trình đã tập trung đi sâu nghiên cứu chủ trương BDG của Đảng ta, bình đẳng dưới góc độ pháp luật, thực tiễn tư pháp

đã áp dụng để góp phần bảo đảm quyền BDG, từ đó tác giả rút ra một số vấn đề về việc thực hiện chính sách BDG qua thực tiễn.

- Dương Thị Ngọc Lan (2013), Luận văn luật học, “*Hoàn thiện pháp luật về quyền lao động nữ ở Việt Nam hiện nay*”. Đã tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật lao động nữ, từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế, những kẽ hở của pháp luật lao động nữ và tìm ra giải pháp hoàn thiện pháp luật góp phần thực hiện BDG về lao động nữ ở Việt Nam.

- Nguyễn Thanh Hiền, “*Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng giới ở Việt Nam*”, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phapluat.aspx?ItemID=327>, đã đánh giá, thực hiện BDG trên thực tế là một nhiệm vụ khó khăn và phức tạp không chỉ riêng một lĩnh vực nào mà nó đi liền với nhiều bức xúc của xã hội. Trên cơ sở đó, đưa ra một số quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền BDG ở Việt Nam.

- Phạm Thị Lê Dung (2017), Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Chính sách công, “*Thực hiện chính sách bình đẳng giới từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*”. Đã đề cập đến những vấn đề lý luận về thực hiện chính sách BDG tại Việt Nam, đánh giá việc thực hiện chính sách BDG tại tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực hiện chính sách BDG ở tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, còn có một số công trình nghiên cứu về BDG trên nội dung và khía cạnh khác nhau như: Nguyễn Thị Báo (2003), “*Quyền bình đẳng của phụ nữ trong sự nghiệp và cuộc sống*”, Tạp chí Lý luận chính trị; Lê Thị (2011); Đề tài khoa học (2007), “*Những vấn đề lý luận cơ bản về giới và kinh nghiệm giải quyết vấn đề giới ở một số nước*” của Viện gia đình và giới – Viện khoa học xã hội Việt Nam do Ngô Thị Tuấn Dung làm chủ nhiệm; Sách “*Vài nét bàn về việc thực thi công bằng, dân chủ và bình đẳng nam nữ ở Việt Nam hiện nay*” của Lê Thị; Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh (2008), “*Bình đẳng giới ở Việt Nam*”, Nxb Khoa học xã hội; Bài viết “*Thông điệp bình đẳng – Bất bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế được đề cập trên truyền*

thông đại chúng” của Phạm Võ Quỳnh Hạnh trên tạp chí giáo dục lý luận (2016); Bài viết, “Kinh nghiệm bình đẳng giới ở một số nước trên thế giới” của Hà Thị Thùy Dương trên tạp chí Tổ chức nhà nước (2015); Bài viết “Giải pháp tăng cường tỷ lệ nữ trong cơ quan dân cử” của Minh Anh trên tạp chí Xây dựng Đảng (2016); Bài viết “Đảm bảo bình đẳng giới trong chính trị ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp” của Phạm Võ Quỳnh Hạnh, trên tạp chí chính Lịch sử Đảng (2016); Bài viết “Bình đẳng giới ở Việt Nam qua các Chỉ số trong báo cáo phát triển con người” của Vũ Thị Thanh, trên tạp chí Nghiên cứu con người (2015)...

Như vậy, vấn đề BDG và thực hiện pháp luật về BDG đã có nhiều công trình nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau, mức độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu, đã cơ bản đã khái quát được các vấn đề lý luận liên quan đến thực hiện pháp luật về BDG, đánh giá việc thực hiện pháp luật về BDG ở phạm vi rộng, hẹp khác nhau, nội dung khác nhau hoặc gắn với địa phương cụ thể và điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể, đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện, thực hiện có hiệu quả pháp luật về BDG. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào đề cập đến thực hiện pháp luật về BDG dưới góc độ luật học tại tỉnh Quảng Ngãi, cũng như chưa có công trình nghiên cứu về thực hiện pháp luật về BDG có những điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng. Các vấn đề lý luận đã được các công trình nghiên cứu làm rõ sẽ được tác giả tiếp tục kế thừa có chọn lọc, việc đánh giá thực hiện pháp luật về BDG trong phạm vi rộng hẹp, nội dung cụ thể, các kiến nghị, giải pháp là cơ sở quan trọng để tác giả tham khảo, định hướng nghiên cứu. Việc tiếp tục có những nghiên cứu mang tính hệ thống, khoa học về thực hiện pháp luật về BDG tại địa phương, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị thực hiện có hiệu quả pháp luật về vấn đề này trong thời gian đến là không trùng lặp với các công trình đã công bố và có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng thực hiện pháp luật về BDG, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường thực hiện pháp luật về BDG tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về BDG và thực hiện pháp luật về BDG.
- Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về BDG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua.
- Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường việc thực hiện pháp luật về BDG tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và yêu cầu đổi mới hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc thực hiện pháp luật về BDG và một số vấn đề có liên quan đến thực hiện pháp luật về BDG.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Luận văn tập trung vào hoạt động thực hiện pháp luật về BDG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Phạm vi về thời gian: Các dữ liệu nghiên cứu từ năm 2007 đến 2017.

5. Cơ sở lý luận và thực tiễn

5.1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu trên cơ sở của phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp luật, về cải cách tư pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu và sử dụng ở mức độ khác nhau trong những nội dung khác nhau như: Phương pháp phân tích -

tổng hợp; phương pháp luật học so sánh; phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, khảo sát thực tiễn; phương pháp chuyên gia; phương pháp lịch sử.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Làm rõ hơn một số vấn đề lý luận và thực hiện pháp luật về BDG.

Nhận thức được những kết quả đạt được, hạn chế yếu kém và nguyên nhân trong thực hiện pháp luật về BDG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm thực hiện có hiệu quả pháp luật về BDG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.

Bên cạnh đó, luận văn còn là nguồn tham khảo cho các nhà quản lý, các cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương khi thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan đến BDG và pháp luật về BDG và những ai quan tâm đến vấn đề này.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Chương 2: Thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3: Phương hướng và giải pháp tăng cường thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT

TRONG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Để nhận thức một cách đúng đắn, khoa học về khái niệm, đặc điểm thực hiện pháp luật BDG cần làm rõ một số khái niệm sau.

1.1.1.1. Giới và bình đẳng giới

Giới là khái niệm ra đời từ khoa học xã hội học, là phạm trù chỉ quan niệm, vai trò và mối quan hệ xã hội giữa nam giới và phụ nữ, xã hội tạo ra và giành cho trẻ em gái và trẻ em trai, cho phụ nữ và nam giới với các đặc điểm giới khác nhau. Đặc điểm giới rất đa dạng và có thể thay đổi được, nói về giới là nói về vai trò, trách nhiệm và quyền lợi mà xã hội quan niệm hay quy định cho nam giới và phụ nữ. Tại khoản 1 Điều 5 Luật bình đẳng giới năm 2006 quy định: “giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội” [21].

Như vậy, từ khái niệm trên cho chúng ta thấy sự khác nhau giữa khái niệm giới với khái niệm giới tính. Sự phân biệt hai khái niệm “giới tính” và “giới” nhằm phân biệt hai loại đặc điểm của phụ nữ và nam giới: Một loại đặc điểm do yếu tố sinh học quy định - đặc điểm giới tính, loại đặc điểm thứ hai do quan niệm xã hội và sự phân công lao động xã hội tạo nên - đặc điểm giới. Vì vậy, muốn đạt đến vấn đề BDG tức là bình đẳng xã hội giữa nam và nữ thì vấn đề không phải là thay đổi các đặc điểm về giới tính, mà cần phải thay đổi quan niệm về vị trí, vai trò của phụ nữ và nam giới cũng như thay đổi những định kiến về giới, thay đổi về cách phân công lao động trong xã hội. [13, tr21].

Có nhiều cách hiểu khác nhau và phổ biến BDG là sự thừa nhận và coi

trọng như nhau các đặc điểm giống và khác nhau giữa nữ giới và nam giới.

Trong lĩnh vực khoa học pháp lý, các thuật ngữ “bình đẳng nam nữ”, “nam nữ bình quyền” đã được sử dụng trong các văn bản pháp luật để thể hiện sự bình đẳng về địa vị pháp lý của nam nữ trong các quan hệ pháp luật cụ thể. Tuy nhiên, việc nam nữ bình đẳng về địa vị pháp lý không bao hàm sự bình đẳng của nam và nữ trong tất cả các quan hệ xã hội. [26, tr14].

Sự BDG được thể hiện ở nhiều phương diện như: Bình đẳng trong đối xử, bình đẳng về cơ hội, bình đẳng về hưởng thụ, lợi ích, bình đẳng trong kiểm soát và ra quyết định.....Ở nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam, xuất phát từ vấn đề quyền con người, Hiến pháp đã ghi nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ trên mọi phương diện.

Như vậy, khi đề cập đến BDG cần được hiểu dưới các khía cạnh sau:

Thứ nhất, BDG không chỉ có ý nghĩa cơ học là số lượng của phụ nữ và nam giới tham gia trong tất cả các hoạt động là như nhau.

Thứ hai, BDG có nghĩa là nam và nữ được hưởng các thành quả một cách bình đẳng.

1.1.1.2. Pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Pháp luật là một khái niệm phức tạp, trải qua các thời đại và các khu vực trên thế giới, những vấn đề như bản chất, nguồn gốc, vai trò, phạm vi điều chỉnh của pháp luật...được nhận thức một cách khác nhau. Ở Việt Nam hiện nay, trong giáo trình của các cơ sở đào tạo luật học cũng như trong sách báo pháp lý tồn tại nhiều định nghĩa về pháp luật dưới góc độ là pháp luật thực định. Tuy nhiên, có thể thấy, các định nghĩa đó cơ bản chỉ khác nhau về câu chữ và thể hiện quan niệm về pháp luật với tư cách là một loại quy tắc ứng xử của con người, một loại chuẩn mực xã hội, pháp luật có những điểm khác biệt so với các loại chuẩn mực xã hội khác như đạo đức, phong tục tập

quán...Theo giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể hiểu, *“Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục đích, định hướng của nhà nước”*. [29, tr212].

Từ khái niệm trên có thể thấy, pháp luật có một vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội nói chung, là công cụ và phương tiện có vai trò dẫn dắt và chi phối xã hội bằng việc kiến tạo môi trường, cơ hội pháp lý như nhau đối với các thành viên trong xã hội để phát huy khả năng của mình để phát triển. Pháp luật xã hội chủ nghĩa là phương tiện có khả năng bảo đảm bình đẳng trong xã hội, bởi vì pháp luật của nhà nước xã hội chủ nghĩa là những giá trị bình đẳng mà xã hội có, xã hội cần và ủng hộ. Bên cạnh đó, pháp luật xã hội chủ nghĩa còn là phương tiện để nhà nước điều hòa lợi ích giữa các tầng lớp xã hội, bảo đảm cho xã hội phát triển hài hòa và ổn định, là phương tiện để nhà nước thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ gìn an ninh, an toàn xã hội cho con người.

Dưới góc độ khoa học pháp lý, chỉ những xử sự phù hợp với những quy định của pháp luật, được tiến hành bởi những chủ thể có đủ khả năng nhận thức được yêu cầu của pháp luật, có khả năng tự mình xác lập, thực hiện hành vi do pháp luật quy định...thì mới được coi là biểu hiện thực tế của việc thực hiện pháp luật, theo đó, có thể hiểu *“Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật”*. [30, tr454]. Như vậy, sau khi được ban hành, để phát huy được vai trò của mình pháp luật phải được các chủ thể tiếp nhận, tôn trọng và tự giác thực hiện, vì thế trên thực tế, thực hiện pháp luật là quá trình các chủ thể khi gặp tình huống, sự kiện mà quy phạm pháp luật đã dự liệu trước, từ nhận thức chuyển hóa chúng vào tình huống cụ thể đó bằng hành vi thực tế, hợp pháp của mình.

Thực hiện pháp luật về BDG là một quá trình nên có tính liên tục, thường xuyên, được xem là bộ phận quan trọng trong tổng thể các biện pháp thúc đẩy BDG trên các lĩnh vực gắn với bảo đảm công bằng xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Các chủ thể này phải là chuẩn mực trong tuân thủ, chấp hành và áp dụng pháp luật, nhà nước có trách nhiệm thiết lập các thể chế, thiết chế hỗ trợ nam giới và phụ nữ thực hiện pháp luật, giúp họ tiếp cận pháp luật, sử dụng các thiết chế hỗ trợ trong thực hiện các chính sách, pháp luật BDG.

Đề cập đến thực hiện pháp luật về BDG, chúng ta thấy có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, chủ thể thực hiện pháp luật BDG có tính đa dạng, phong phú, trong đó, các cơ quan nhà nước là chủ thể đặc biệt vì trong quá trình thực hiện pháp luật về BDG là chủ thể mang tính quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước thực hiện trách nhiệm quản lý xã hội, đảm bảo cho quyền BDG được tổ chức thực hiện trên một phạm vi rộng lớn toàn quốc. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong thực hiện pháp luật về BDG không giống nhau, bởi BDG được thực hiện trên nhiều khía cạnh, nội dung khác nhau liên quan đến chức năng, nhiệm vụ khác nhau của mỗi cơ quan. Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế, các đơn vị sự nghiệp, các gia đình, dòng họ và công dân Việt Nam đều là chủ thể có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về BDG.

Thứ hai, Căn cứ vào chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phạm vi trách nhiệm trong thực hiện pháp luật về BDG sẽ có sự khác nhau. Xuất phát từ tính đặc thù trong nội dung thực hiện pháp luật về BDG phạm vi thực hiện còn đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ trong quá trình thực hiện của các chủ thể trong phạm vi không gian, địa lý nhất định.

Thứ ba, nội dung thực hiện pháp luật về BDG bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau như: chính trị, kinh tế, lao động việc làm, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ...vì bản thân các nội dung về BDG còn có mối quan hệ tác động và phụ thuộc lẫn nhau. Do vậy, nội dung thực hiện pháp luật về BDG trong quá trình thực hiện cần có sự phối hợp đồng bộ cả chính sách, pháp luật, giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Thứ tư, thực hiện BDG và pháp luật về BDG không chỉ là mối quan tâm và trách nhiệm của riêng quốc gia nào, mà nó đã trở thành trách nhiệm và nghĩa vụ chung của cả cộng đồng quốc tế. Cộng đồng quốc tế đã thông qua nhiều văn bản pháp lý quy định về việc thực hiện BDG, đây là những cơ sở pháp lý quan trọng đảm bảo cho các quốc gia thực hiện BDG, cụ thể hóa các quy định vào pháp luật quốc gia. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), ngày 29/7/1980 và phê chuẩn ngày 27/11/1981. Điều 4 Công ước khẳng định: *“Việc các nước tham gia Công ước thông qua những biện pháp đặc biệt tạm thời nhằm thúc đẩy nhanh sự bình đẳng trong thực tế giữa nam và nữ sẽ không bị coi là phân biệt đối xử theo định nghĩa đề ra tại Công ước này nhưng sẽ không vì thế mà đưa đến việc duy trì những tiêu chuẩn không bình đẳng hoặc khác nhau. Những biện pháp này sẽ chấm dứt khi các mục tiêu bình đẳng về cơ hội và đối xử đã đạt được”* [17].

1.1.2. Vai trò thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Vai trò của pháp luật có thể được xem xét ở nhiều góc độ, mức độ, nhiều khía cạnh khác nhau, tuy nhiên, để nhận thức một cách toàn diện và sâu sắc vai trò của pháp luật, cần phải đặt pháp luật trong từng mối quan hệ cụ thể giữa nó đối với sự vật, hiện tượng khác. Theo Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội, có thể xem xét vai

trò của pháp luật đối với xã hội, vai trò của pháp luật đối với lực lượng cầm quyền, vai trò của pháp luật đối với nhà nước, vai trò của pháp luật đối với các công cụ điều chỉnh khác. [29, tr268,278, 281]. Dưới góc tiếp cận đó, tác giả đồng tình với nhận định của Lê Thị Thu Hương tại công trình [14, tr14,15] và một số tác giả khác khi thực hiện pháp luật về BDG pháp luật thể hiện một số vai trò sau:

1.1.2.1. Hiện thực hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước vào thực tiễn đời sống xã hội

Thực hiện pháp luật về BDG là cách thức, biện pháp cơ bản nhất để đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước được thực hiện trên thực tế. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện BDG thành pháp luật, nội dung pháp luật BDG là chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng đối với BDG. Do vậy, thực hiện pháp luật về BDG là cách thức cơ bản, có hiệu lực, hiệu quả nhất để chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả trong điều chỉnh các quan hệ xã hội, qua đó giúp Đảng, Nhà nước kiểm nghiệm tính đúng đắn của các chính sách, pháp luật đã được ban hành trong thực tiễn để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, phát hiện, uốn nắn những sai sót trong tổ chức thực hiện để bảo đảm thực hiện tốt hơn các chính sách, pháp luật về BDG trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

1.1.2.2. Đảm bảo các mục tiêu phát triển bình đẳng giữa nam và nữ

Đảm bảo nguyên tắc "nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình" là tiền đề quan trọng cho thực hiện tiến bộ xã hội và công bằng xã hội. Thực hiện pháp luật về BDG là một trong những phương tiện thực hiện mục tiêu của Nhà nước ta là, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ, tiến tới BDG thực chất giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực. Là phương thức đề cao trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm

quyền trong bảo đảm công bằng chính trị - xã hội; bảo đảm BDG góp phần thúc đẩy phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn, chủ động hơn, đóng góp ngày càng lớn hơn cho phát triển của cộng đồng, đất nước.

1.1.2.3. Góp phần nâng cao ý thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về pháp luật nói chung và pháp luật về bình đẳng giới nói riêng

Thực hiện pháp luật về BDG đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố, nâng cao ý thức pháp luật, đồng thời bồi dưỡng năng lực làm chủ để tham gia quản lý nhà nước và xã hội, giải quyết công việc chung của cộng đồng. Giúp các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân nắm vững pháp luật, nhận thức sâu sắc, hiểu biết đầy đủ hơn về chuẩn mực xã hội, thấy được giới hạn của các hành vi bình đẳng và bất bình đẳng, biết được những nguyên tắc cơ bản về BDG, những hành vi bị nghiêm cấm. Hiểu biết pháp luật giúp các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tôn trọng quyền hợp pháp của chủ thể khác, yêu cầu các chủ thể thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, tham gia quản lý Nhà nước, hoạt động xã hội, góp phần thực thi công lý, bảo đảm công bằng xã hội.

1.1.2.4. Tiếp tục khẳng định uy tín và trách nhiệm của Nhà nước trước cộng đồng quốc tế trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người

Việt Nam đã có những cố gắng đáng kể trong việc thực hiện các cam kết quốc tế của mình về việc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt về giới, tiến tới BDG thực sự. Việt Nam cũng đang cố gắng xóa bỏ những tập tục truyền thống đối xử bất bình đẳng với phụ nữ và trẻ em, tuy nhiên chúng ta cũng đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức, đặc biệt, khi thực hiện Công ước CEDAW trong bối cảnh hiện nay nhiều vấn đề về quyền bình đẳng của phụ nữ trong công cuộc đổi mới đặc biệt là phụ nữ trí thức và phụ nữ nông thôn, vấn đề bảo đảm quyền chăm sóc sức khỏe phụ nữ, vấn đề lao động và việc làm, vấn đề bạo lực gia đình.... Do đó, “*việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới không chỉ thuần túy nhằm hoàn thiện hệ*

thống pháp luật Việt Nam, nhằm cụ thể hoá quyền hiến định về bình đẳng nam nữ được Hiến pháp Việt Nam công nhận, mà còn là một việc cần phải làm là một nghĩa vụ pháp lý của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ quốc tế”. [11 tr35]. Việc quy định về BDG được thể hiện trong Hiến pháp, luật và văn bản dưới luật đã nâng vị thế của Việt Nam trên chính trường quốc tế, để tiếp tục khẳng định và nâng cao vị thế đó cần thực hiện pháp luật về quyền con người nói chung và pháp luật về BDG nói riêng, do vậy, không chỉ có vai trò của Nhà nước trong hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, mà các cơ quan, tổ chức, công dân cũng phải tiến hành tuân thủ các quy định của pháp luật về vấn đề BDG.

1.2. Nội dung và phương thức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.2.1. Nội dung thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Pháp luật về BDG có nội dung rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực, nội dung khác nhau, khi đề cập đến thực hiện pháp luật về BDG quan niệm chung là tập trung vào các nội dung cơ bản sau:

1.2.1.1. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Cương lĩnh hành động của Hội nghị thể giới về phụ nữ lần thứ tư tại Bắc Kinh năm 1995 đã khẳng định: *"Không có sự tham gia tích cực của phụ nữ và với sự hợp tác chặt chẽ của phụ nữ ở các cấp ra quyết định và ở các cơ quan pháp luật thì mục tiêu bình đẳng, phát triển và hoà bình không thể thực hiện được"* [18]. Hiến pháp năm 2013, Điều 16 có quy định: *"Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật"*. [22]. Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: *"Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội"*. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức [21]. Như vậy, có thể thấy, việc bình đẳng nam, nữ trong lĩnh vực chính trị là nội dung rất quan trọng, đó là nền tảng để xây dựng một xã hội công bằng, dân

chủ và văn minh. Chỉ khi có sự đảm bảo về BDG thực chất trong lĩnh vực chính trị thì khi đó phụ nữ mới có điều kiện tham gia vào quản lý ở các cấp, khẳng định vị trí của họ trong xã hội cũng như trong gia đình.

1.2.1.2. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động việc làm

Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Công dân có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”; “Công dân có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác”; Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc”*. [22]. Điều 13 Luật Bình đẳng giới năm 2006 có quy định: *“Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng”, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác*” [21]. Bên cạnh đó, Bộ luật lao động 2012, Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã... quy định về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng người lao động nam, nữ trong các nghề, tạo điều kiện để phụ nữ dễ dàng tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao vị trí kinh tế của người phụ nữ trong xã hội. Như vậy, Hiến pháp, các luật và văn bản dưới luật đã tạo dựng cơ sở pháp lý về lao động việc làm cho người lao động nói chung và cho lao động nữ nói riêng nhằm hướng đến mục tiêu *“Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động việc làm, tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động”* [28].

1.2.2.3. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nêu rõ: *“Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng”* [7,

tr163]. Điều 14 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “*Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng*”. *Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo*”. “*Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ*”. “*Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ*”. [21]. Thực hiện pháp luật về BDG về lĩnh vực này trong thời gian đến cần khắc phục những hạn chế như: các chế độ chính sách, mục tiêu quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ có lúc, có nơi chưa triển khai đồng bộ; một số cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể chưa thực sự quan tâm đến cán bộ nữ; công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa thực sự được quan tâm đúng mức; trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, trình độ quản lý, trình độ chính trị...Để thực hiện tốt hơn nội dung quy định về BDG trong lĩnh vực này cần chủ động phát hiện cán bộ nữ có năng lực, có tinh thần trách nhiệm với công việc để cử đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với nhu cầu công việc, nhất là phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

1.2.2.4. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Hiến pháp 2013 quy định: “*Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó*” (Điều 40). Điều 15 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “*Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế*” và Điều 40 quy định các hành vi vi phạm pháp luật về BDG trong lĩnh vực khoa học và công nghệ gồm: “*Cản trở nam, nữ tham gia hoạt động khoa học, công nghệ*”; “*Từ chối việc tham gia của một giới trong các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ*”. “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật*

về bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”. [22, Điều 15, Điều 40, Điều 42]. Việc Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới quy định nội dung BDG, xử lý vi phạm đối với thực hiện BDG trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đã tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy phạm pháp luật bảo đảm BDG trong tất cả các lĩnh vực có nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ.

1.2.2.5. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao

Hiến pháp 2013, Điều 40 có quy định: “Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó”; Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” [22]. Luật Bình đẳng giới năm 2006, tại Điều 16 quy định về BDG trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao như sau: “Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao”. “Nam, nữ bình đẳng trong hưởng thụ văn hoá, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin”. BDG trong lĩnh vực thể dục, thể thao còn được lồng ghép trong Luật thể dục, thể thao với các quy định cụ thể đáp ứng các nguyên tắc BDG, theo đó đảm bảo nam, nữ bình đẳng trong việc tham gia vào các hoạt động liên quan đến thể dục, thể thao... Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện pháp luật về BDG trong lĩnh vực văn hoá và thông tin còn một số hạn chế, bất cập như: trên thực tế vẫn còn những sản phẩm văn hoá, thông tin mang tính định kiến giới chưa được kiểm soát hết; các chương trình, chuyên mục tuyên truyền về BDG chưa thực sự phong phú, đa dạng và hiệu quả tuyên truyền chưa cao. Trong thời gian tới, để thực hiện tốt hơn pháp luật về BDG trong lĩnh vực này cần có những giải pháp mang tính chiến lược, đột phá nhằm xoá bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong các sản phẩm văn hoá, thông tin,

theo dõi, kiểm tra các hoạt động và sản phẩm văn hoá, thông tin từ góc độ giới.

1.2.2.6. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

Mục tiêu thực hiện pháp luật về BDG trong lĩnh vực y tế là nhằm đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giảm thiểu hậu quả đối với sức khỏe là nạn nhân liên quan đến sức khỏe, tính mạng. Hiến pháp 2013, Điều 38 có quy định: *“Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.. Điều 17, Luật Bình đẳng giới 2006 quy định: “Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khoẻ sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế”. “Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục”. “Phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ” [21, Điều 17].* Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy thực hiện nội dung pháp luật về BDG còn nhiều bất cập, hạn chế...do đó trong thời gian đến cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả pháp luật trong BDG về y tế trên các phương diện như: có sự đầu tư thích đáng và nhân lực và vật lực đối với các hoạt động chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông qua việc nâng cấp các cơ sở y tế, đẩy mạnh công tác truyền thông và các dịch vụ tư vấn về quyền được chăm sóc sức khỏe của phụ nữ và nâng cao hiểu biết của phụ nữ về lợi ích kinh tế và sức khỏe, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ y tế và những người làm công tác kế hoạch hoá gia đình...

1.2.2.7. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

BDG trong gia đình là các thành viên trong gia đình có sự bình đẳng với

nhau, cụ thể là, mọi công việc trong gia đình đều được các thành viên, trước hết là vợ chồng cùng nhau chia sẻ và cùng nhau hưởng thụ thành quả từ những công việc đó mang lại; sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau của vợ, chồng, các thành viên trong gia đình đối với các hoạt động hằng ngày, tạo điều kiện cho nhau trong học tập, nâng cao trình độ, công tác, trong quan hệ gia đình, họ hàng, làng xóm, bạn bè...Nội dung thực hiện pháp luật về BDG trong gia đình được thể hiện cơ bản rõ trong các quy định pháp luật như Hiến pháp 2013 quy định: *“Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em”*; *“Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục”*; *“được tham gia vào các vấn đề về trẻ em”*. *“Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”* [22]. Điều 18, Luật Bình đẳng 2006 giới quy định: *“Vợ chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình”*; *“có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ, chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình”*; *“bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình cũng như trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp, sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật”*. *“Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển”*. [21]. Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và gia đình, Pháp lệnh Dân số 2008...đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định Quyết định số 72/2001/QĐ-TTG lấy ngày 28 tháng 6 làm *“Ngày gia đình Việt Nam”*, đây là những cơ sở pháp lý quan trọng tạo tiền đề thực hiện pháp luật về BDG trong lĩnh vực này.

1.2.2. Phương thức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Hệ thống pháp luật rất đa dạng, bao gồm các loại quy phạm cho phép, bắt buộc, ngăn cấm, bởi vậy, cách thức thực hiện các loại quy phạm pháp luật này cũng khác nhau. Bên cạnh đó, chủ thể thực hiện pháp luật cũng rất đa dạng, bao gồm các cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền cũng như mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội. Từ đó, khoa học pháp lý xác định có bốn hình thức thực hiện pháp luật đó là: tuân thủ pháp luật; thi hành pháp luật; sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. [29, tr402, 403], trong đó, áp dụng pháp luật là hình thức quan trọng nhất, nhưng cũng là hình thức thực hiện pháp luật phức tạp nhất.

Theo Từ Điển Tiếng Việt, Hoàng Phê thì *“Phương thức theo cách hiểu tổng quát nhất, đó là cách thức và phương pháp tiến hành”* [33, tr793]. Theo đó, phương thức thực hiện pháp luật có thể hiểu là cách thức và phương pháp thực hiện các hình thức thực hiện pháp luật, tùy theo từng hình thức thực hiện pháp luật được xác định mà trong quá trình thực hiện các chủ thể thực hiện pháp luật có những phương thức thực hiện khác nhau, đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể và mục đích mà chủ thể đặt ra. Với cách tiếp cận như vậy, thực hiện pháp luật về BDG tập trung chủ yếu vào các phương thức thực hiện như sau.

1.2.2.1. Thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới

Thúc đẩy BDG là nhằm bảo đảm BDG thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. *“Thúc đẩy bình đẳng giới có tính chất tạm thời, nghĩa là chỉ được áp dụng trong những điều kiện nhất định khi chưa đạt được mục tiêu bình đẳng về cơ hội và ứng xử, vẫn còn có sự chênh*

lệch lớn giữa nam và nữ về mọi điều kiện. Tính chất đặc biệt của phương thức này là chỉ quy định cho một giới (mà chủ yếu là quy định cho nữ giới vì xuất phát từ những đặc điểm sinh học của nữ giới), để thúc đẩy bình đẳng giới trên thực tế”. [11, tr31].

1.2.2.2. Thực hiện các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới

Các nguyên tắc này được thể hiện rõ tại Điều 6 Luật Bình đẳng giới 2006:” *“Nguyên tắc nam nữ không bị phân biệt đối xử về giới; Nguyên tắc biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới; Nguyên tắc chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới; Nguyên tắc bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật; Nguyên tắc thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân”* [21]. Các nguyên tắc này phải được đảm bảo xuyên suốt trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, từ khâu xây dựng soạn thảo đến ban hành thực hiện, đánh giá rút kinh nghiệm để sửa đổi bổ sung, phải được thực hiện liên tục. Ở nước ta hiện nay, quá trình tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật là quan trọng nhất, nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Luật bình đẳng giới với các Luật khác, cũng như tạo cơ sở về mặt pháp lý để Luật bình đẳng giới phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, đảm bảo các mục tiêu về BDG.

1.2.2.3. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Lồng ghép giới nghĩa là đưa yếu tố giới vào trong các văn bản pháp luật khác cũng như các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây được coi là một phương pháp tiếp cận, hay là một biện pháp chiến lược nhằm đạt được BDG trên diện rộng trong xã hội bằng cách đưa yếu tố giới vào những yếu tố chủ đạo, mang tính chi phối về các ý tưởng, giá trị, quan niệm, thái độ, mối quan hệ và cách thức tiến hành mọi việc trong xã hội. Để từ đó nó tác động tới chất lượng

cuộc sống của tất cả mọi người trong xã hội. Bên cạnh đó, còn phải thực hiện tốt việc thẩm tra lồng ghép về BDG của các cơ quan có thẩm quyền. Nội dung thẩm tra lồng ghép vấn đề BDG bao gồm: Xác định vấn đề giới trong dự án, dự thảo; việc bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về BDG trong dự án, dự thảo; việc tuân thủ thủ tục và trình tự đánh giá việc lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng dự án, dự thảo; tính khả thi của dự án, dự thảo để bảo đảm BDG.

1.2.2.4. Thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới

Thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và BDG là phương thức bảo đảm BDG mang tính chất giáo dục, thuyết phục tác động dần dần một cách sâu rộng vào quần chúng nhân dân. Tuy phương thức này không đem lại hiệu quả ngay tức thời, nhưng khi đã đạt được kết quả thì đem lại tác dụng lâu dài, ổn định, không gây ra các tác động ngoại ý khác. Thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và BDG nhằm nâng cao nhận thức giới và BDG, việc thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và BDG được đưa vào chương trình giáo dục trong nhà trường, trong các hoạt động của cơ quan, tổ chức và cộng đồng, thông qua các chương trình học tập, các ấn phẩm, các chương trình phát thanh, truyền hình và các hình thức khác nhau.

1.2.2.5. Chủ thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Chính phủ chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền. Tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BDG. Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam và chỉ đạo các cơ quan hữu quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức của nhân dân về thực hiện pháp luật về BDG.

Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện pháp luật về BDG, cụ thể là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng và trình Chính

phủ ban hành hoặc ban hành, hướng dẫn thực hiện pháp luật về BDG theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời tham gia đánh giá việc thực hiện lồng ghép vấn đề về luật BDG trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tổng kết, báo cáo Chính phủ việc thực hiện mục tiêu quốc gia về BDG. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại về thực hiện pháp luật về BDG.

UBND các cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện pháp luật về BDG tại địa phương. Trình Hội đồng nhân dân ban hành hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện BDG theo thẩm quyền. Tổ chức thực hiện pháp luật về BDG ở địa phương. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thực hiện pháp luật BDG. Tổ chức, chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục về pháp luật về BDG cho nhân dân địa phương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên tham gia xây dựng kế hoạch thực hiện pháp luật về BDG theo quy định của pháp luật. Tham gia giám sát việc thực hiện thực hiện pháp luật về BDG. Tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện pháp luật về BDG .

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.3.1. Quan điểm, đường lối chính trị của Đảng

Ở nước ta, BDG luôn được sự quan tâm nhất quán của Đảng và Nhà nước, chính vì vậy, trong quá trình thực hiện pháp luật BDG luôn có sự chỉ đạo của Đảng, của các cấp đoàn thể, tạo nên sự thống nhất trong việc thực hiện và cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, quá trình thực hiện và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng còn bất cập, do đó chưa tạo ra sự đồng bộ để thực hiện tốt pháp luật về BDG. Bên cạnh đó, thực hiện pháp luật BDG liên quan đến nhiều vấn đề rất phức tạp và nhạy cảm, ngay cả quan niệm, cách hiểu và nhìn nhận, đánh giá cũng không mang tính thống nhất cao

không những đối với mọi người dân mà ngay cả đối với những cán bộ tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, việc thực hiện pháp luật về BDG còn chịu sự ảnh hưởng, chi phối của nhóm lợi ích, tổ chức khác nhau trong xã hội, cũng như các điều kiện vật chất, kỹ thuật, trật tự xã hội, quan hệ quốc tế...Quan điểm, đường lối chính trị thống nhất, rõ ràng, môi trường chính trị ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật về BDG.

Công tác tuyên truyền được nâng cao trong việc nhận thức về bình đẳng giới có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, do đó với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội thì việc tuyên truyền như thế nào cho hiệu quả, việc đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền....để nâng cao nhận thức cho người dân thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là rất quan trọng. Đặc biệt, cần tăng cường việc giám sát và thực hiện pháp luật bình đẳng giới, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thực hiện lồng ghép vấn đề thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và các văn bản quy phạm pháp luật; chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Vai trò chủ động và năng lực tham mưu cho Hội Phụ nữ và Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp trong việc tham mưu lồng ghép giới, chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra công tác triển khai thực hiện pháp luật về bình đẳng giới một cách thường xuyên giúp cho việc nắm bắt tình hình tốt hơn và kịp thời đề xuất các giải pháp giải quyết những vấn đề giới nổi cộm, qua đó, nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc thúc đẩy việc thực hiện tốt pháp luật về bình đẳng giới.

Yếu tố rất quan trọng đó là sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng, người dân hay không khi thực hiện pháp luật về BDG. Các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành công tác tổ chức thực hiện pháp luật, còn các tầng lớp nhân dân là những đối tượng thực hiện pháp luật về BDG.

1.3.2. Hệ thống pháp luật của quốc gia

Yếu tố pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng mang tính quyết định đến việc thực hiện pháp luật về BDG, sự ảnh hưởng của yếu tố pháp luật đến BDG thể hiện qua chất lượng của pháp luật thực định đối với vấn đề này, nhận thức và hiểu biết pháp luật của xã hội và của các tổ chức, cơ quan, gia đình và cá nhân. Bên cạnh đó, để thực hiện pháp luật BDG có hiệu quả thì hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật BDG nói riêng phải hoàn thiện, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, kỹ thuật và ngôn ngữ phải dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với trình độ và thuận tiện cho mọi chủ thể liên quan trong tiếp cận và sử dụng. Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta, đòi hỏi pháp luật BDG phải được thể hiện trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là cơ quan, cán bộ, công chức và cá nhân liên quan phải thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất. Thông qua hệ thống pháp luật và việc thực thi pháp luật trên thực tế, sẽ hình thành lòng tin đối với pháp luật, tự giác điều chỉnh hành vi xử sự của mình trong các quan hệ xã hội, hiểu rõ bản chất của pháp luật, nhận thức được pháp luật là công cụ có hiệu lực sắc bén trực tiếp bảo vệ quyền lợi. Bên cạnh đó, tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và bản thân các quy định pháp luật liên quan đến BDG sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này.

1.3.3. Điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội

Điều kiện kinh tế là yếu tố quyết định đến hiệu quả thực hiện pháp luật về BDG. Nền kinh tế phát triển bền vững, năng động sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt pháp luật về BDG, tác động đến hiểu biết, ý thức pháp luật của các tầng lớp trong xã hội, tạo ra công ăn việc làm bền vững, tăng thu nhập sẽ là giải pháp giải quyết tình trạng phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Đồng thời, sẽ tạo ra nguồn lực để hưởng các quyền về lao động và bảo trợ xã hội, đầu tư vào cơ sở hạ tầng cơ bản, tăng khả năng tiếp cận thị trường đặc

biệt đối với phụ nữ nông thôn.

Điều kiện văn hóa – xã hội là nền tảng có ảnh hưởng rất lớn đến BDG và thực hiện pháp luật về BDG. Phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao dân trí là điều kiện bảo đảm cho con người được phát triển tự do và toàn diện, nâng cao nhận thức về mọi mặt, đây là nền tảng quan trọng để thực hiện có hiệu quả bền vững việc thực hiện pháp luật về BDG. Các phong tục tập quán trong cộng đồng xã hội ảnh hưởng lớn đến thực hiện pháp luật về BDG, điều này thể hiện rất rõ đối với các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa ở nước ta. *“Để hỗ trợ bình đẳng giới thực chất, các chính sách kinh tế và xã hội cần phải mang tính phối hợp và hài hòa với nhau... Cần có hành động trên 3 lĩnh vực ưu tiên sau nhằm chuyển đổi các nền kinh tế và hiện thực hóa các quyền kinh tế và xã hội của phụ nữ: việc làm bền vững cho phụ nữ, các chính sách xã hội có trách nhiệm giới và các chính sách kinh tế vĩ mô dựa trên quyền”*. [19, tr4].

1.3.5. Năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và điều kiện nguồn lực thực hiện

Năng lực thực hiện pháp luật BDG của cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy quản lý nhà nước là thước đo bao gồm nhiều tiêu chí phản ánh về đạo đức công vụ; khả năng phân tích, dự báo; tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật...nếu năng lực này đáp ứng được yêu cầu thì việc tổ chức thực hiện, giải quyết những vấn đề liên quan giữa các cơ quan nhà nước với cá nhân và tổ chức trong xã hội cũng góp phần đem lại hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về BDG.

Nguồn lực vật chất là điều kiện quan trọng để thực hiện pháp luật về BDG, theo đó chủ trương tập trung nguồn lực và có chính sách huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước, ngoài nước để đảm bảo và tăng cường thực hiện BDG. Nhà nước quản lý trực tiếp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, từ các khoản viện trợ chính phủ; đồng thời có chính sách phù hợp huy động

các nguồn lực, trong đó khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân hợp tác, giúp đỡ dưới mọi hình thức trong việc bảo đảm và tăng cường thực hiện pháp luật về BDG. Nội dung thực hiện pháp luật về BDG có quy mô lớn, thời gian thực hiện dài nên cần đảm bảo nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả nhất.

Tiểu kết chương 1

Ở Việt Nam phụ nữ có vai trò to lớn, tham gia trực tiếp vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và đã đóng góp nhiều cho sự phát triển của xã hội. Nhưng trên thực tế, vai trò, vị trí của phụ nữ vẫn chưa được nhìn nhận xứng đáng, chưa thật sự hoàn toàn bình đẳng với nam giới, cơ hội tiếp cận và điều kiện phát triển của phụ nữ trong giáo dục, đào tạo, quản lý, việc làm, thu nhập, dịch vụ chăm sóc sức khỏe...còn nhiều bất cập, hạn chế. Để phát huy tối đa năng lực của phụ nữ, vì sự tiến bộ của phụ nữ và toàn xã hội cần có những giải pháp thiết thực góp phần tạo lên sự bình đẳng thực chất giữa nam và nữ mà trước hết là thực hiện có hiệu quả pháp luật về BDG. Kết quả nghiên cứu tại chương 1, đã đề cập đến những vấn đề lý luận cơ bản nhất về BDG giới và pháp luật về BDG, đặc biệt là thực hiện pháp luật về BDG trên các phương diện: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, biện pháp bảo đảm thực hiện và các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về lĩnh vực này. Đây là những vấn đề lý luận làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về bình đẳng giới thuộc phạm vi nghiên cứu của luận văn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển thuộc khu vực Miền Trung, diện tích tự nhiên của tỉnh là 5.135km², phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp biển Đông với gần 130 km bờ biển, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp tỉnh Bình Định. Địa hình đồi núi chiếm tới gần 2/3 lãnh thổ của Quảng Ngãi, phân hóa theo chiều đông – tây và tạo thành vùng: vùng đồng bằng ven biển ở phía đông và vùng đồi núi rộng lớn chạy dọc phía tây với những đỉnh nhô cao trên 1.000m, bên cạnh đó, có địa hình khá phức tạp với nhiều núi đồi cao, gò, thung lũng và biển cả chia làm các miền riêng biệt, với 13 huyện, 01 thành phố; trong đó có 6 huyện/thành đồng bằng, 6 huyện miền núi và 01 huyện hải đảo; gồm 184 xã, phường, thị trấn, 1.081 thôn, tổ dân phố, 3.018 khu dân cư. Toàn tỉnh có 16 dân tộc thiểu số, với gần 150.000 người sinh sống chiếm khoảng gần 12% dân số toàn tỉnh, chủ yếu có 4 dân tộc chính là Kinh, Hre, Cà Dong (Xơ đăng), Cor, sống tập trung ở các huyện miền núi của tỉnh; người dân sống ở nhiều vùng khác nhau, nên có nhiều bản sắc dân tộc khác nhau, phong tục tập quán khác nhau. Cùng với phát triển văn hóa, luôn quan tâm và giữ gìn, phát huy các bản sắc văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc, loại bỏ các yếu tố văn hóa lạc hậu, phong tục lạc hậu. Dân cư sinh sống ở nông thôn 1.063.019 người chiếm 85,2% (cao hơn tỷ lệ trung bình của cả nước)...Ở các vùng nông thôn phụ nữ được tiếp cận với thông tin khác với phụ nữ ở thành thị, tỷ lệ hộ nghèo cao hơn, phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận với việc làm và các dịch vụ khác, trụ cột gia đình vẫn là nam giới, đa số quyền

quyết định vẫn là nam giới, cho nên việc bất BDG có sự khác biệt giữa sự phân bố dân cư ở thành thị và nông thôn. Với điều kiện tự nhiên như trên, đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc thực hiện pháp luật về BDG giới tại địa phương trong việc tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức; tạo việc làm ổn định, xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện có hiệu quả pháp luật về BDG.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Về kinh tế: Các chỉ tiêu kinh tế-xã hội chủ yếu hầu hết đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) vượt kế hoạch, cụ thể trong năm 2017 ước đạt 45.386,0 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), tăng 1,27% so với năm 2016 và đạt 101,6% kế hoạch năm; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 8.150,18 tỷ đồng, tăng 4,9%, đóng góp 0,85 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 24.037,83 tỷ đồng, giảm 3,4%, đóng góp -1,89 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ ước đạt 13.197,99 tỷ đồng, tăng 8,5%, đóng góp 2,31 điểm phần trăm. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2017 không tính sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt 30.342,1 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), tăng 9,1% so với năm 2016 và đạt 101,3% kế hoạch năm. [4]. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng cao; du lịch khởi sắc, nhất là du lịch Lý Sơn; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện đáng kể, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp tăng cao nhất từ trước đến nay; công tác xúc tiến đầu tư được đổi mới mạnh mẽ...

Về xã hội: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trong năm đạt 8,7%, đưa dân số trung bình toàn tỉnh năm 2017 lên 1.263.572 người, tăng 0,75 người so với năm 2016. Trong đó, nam có 624.337 người, nữ có 639.235 người; trong năm, giải quyết tạo việc làm mới cho khoảng 39.500 lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị 3,7%; triển khai sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở dạy nghề; đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu lao động cho doanh nghiệp; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 49%, trong đó, lao động nữ là 38%; công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo;

đổi mới cách thức thực hiện công tác giảm nghèo, một số chính sách về hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và an sinh xã hội. Đến cuối năm 2017, ước tỷ lệ hộ nghèo còn 11,21% (giảm 1,85%), trong đó, miền núi còn 36,39% (giảm 5,54%). Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em và được các tầng lớp xã hội quan tâm, giúp đỡ. [5, tr48]. Trình độ học vấn của người dân ngày càng được nâng cao, tỷ lệ phụ nữ so với nam giới trong số người biết chữ đã tăng lên đáng kể; chênh lệch về tỷ lệ học sinh nam - nữ trong tất cả các cấp bậc học được thu hẹp; công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân được đẩy mạnh; công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và tiêm chủng mở rộng được chú trọng triển khai. [4].

Với kết quả đạt được về kinh tế - xã hội nêu trên đã tạo các điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật về BDG trên một số nội dung nhất định về lao động, việc làm, tăng thu nhập, đầu tư có sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục sức khỏe cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số....Như vậy, thực hiện pháp luật về BDG muốn đạt hiệu quả thì phải phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và phản ánh đúng đắn nhu cầu xã hội của địa phương, đặc biệt là các mục tiêu về BDG. Đối với tỉnh Quảng Ngãi, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có những điểm đặc thù đòi hỏi cấp ủy, chính quyền phải giải quyết hài hòa trong quá trình thực hiện pháp luật về BDG trên các khía cạnh: xác định nội dung thực hiện sáng tạo, phù hợp; đa dạng hóa các hình thức, phương pháp thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp; xác định cách thức, lộ trình thực hiện các mục tiêu BDG phù hợp...

2.2. Tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế và phối hợp thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐT BXH-BNV ngày 02/10/2015 của Liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ về

hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã thành lập Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới với 03 công chức (trong đó có 01 công chức phụ trách lĩnh vực bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ). Với cấp huyện: Có 14/14 huyện, thành phố đã bố trí 01 lãnh đạo và 01 công chức, viên chức Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội kiêm nhiệm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ. Với cấp xã: Công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ do công chức Lao động – Thương binh và Xã hội xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm.

Qua nhiều lần kiện toàn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, 04 Phó Trưởng Ban (Lãnh đạo: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh); 16 thành viên là đại diện Lãnh đạo các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan.

Kinh phí triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới, hằng năm Ban vì sự tiến bộ cấp tỉnh lập kế hoạch, gửi Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí trong dự toán kế hoạch hằng năm. theo quy định thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo cho cấp trên. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các sở, ban ngành, các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh ban hành kế hoạch cụ thể thực hiện các nội dung liên quan đến BDG.

2.2.2. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi đánh giá: BDG trong lĩnh vực chính trị đạt được một số kết quả sau.

Bảng 2.1: Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp

	NK 2005-2010		NK 2010-2015		NK 2015-2020	
	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)
Cấp tỉnh	05/49	10,2	08/55	14,5	06/56	10,27
Cấp huyện	54/475	11,37	68/565	12,04	84/552	15,21
Cấp xã	423/3.137	13,48	373/2.062	14,34	497/2.523	19,7

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

Số liệu thể hiện ở Bảng 1 cho thấy: Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy huyện, xã qua 3 nhiệm kỳ tăng dần. Đối với cấp xã, nhiệm kỳ 2015 – 2020 tăng 5,36% so với nhiệm kỳ 2010-2015 và tăng so với nhiệm kỳ 2005-2010 là 6,22%; cấp huyện nhiệm kỳ 2015 – 2020 tăng 3,17% so với nhiệm kỳ 2010-2015 và tăng so với nhiệm kỳ 2005-2010 là 3,84%. Riêng đối với cấp tỉnh sau khi Luật bình đẳng giới có hiệu lực thì tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy tỉnh được nâng lên từ 10,2% nhiệm kỳ 2005-2010 đến 14,5% nhiệm kỳ 2010-2015 (tăng 4,3%); tuy nhiên tỷ lệ này chỉ đạt 10,27% trong nhiệm kỳ 2015-2020 (giảm 4,23% so với nhiệm kỳ trước).

Theo số liệu thống kê, Ủy viên Ban Thường vụ cấp xã là 46/754, tỷ lệ 6,17%. Có 4 đồng chí Bí thư, 19 đồng chí Phó Bí thư; 01 chủ tịch, 24 Phó Chủ tịch HĐND, 02 đồng chí Phó chủ tịch UBND, 36 đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy viên Ban Thường vụ huyện, thành ủy 11/153 người, tỷ lệ 7,19%; có 04 đồng chí nữ giữ vị trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện (Bí thư Huyện ủy: 01; Chủ tịch HĐND huyện: 02; Chủ tịch UBND huyện: 01). Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy 02/16 người, tỷ lệ 12,5%, trong đó, 01 đồng chí Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng - Chủ tịch HĐND tỉnh, 01 đồng chí Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, 01 đồng chí Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội. [31, tr5].

Đến nay, tổng số đảng viên nữ trong toàn tỉnh là 16.353/50.424 (đạt 32,43%). Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ được quan tâm.

Trong 07 năm qua, tỷ lệ nữ được đào tạo trên đại học ở địa bàn tỉnh là 145/882 người, chiếm 16,4% (Trong đó Thạc sỹ: 141/790, chiếm 17,8%; Tiến sĩ 04/42, chiếm 9,5%); tỷ lệ nữ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước: 239/995 người, đạt 24%. Nhờ đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng. Đến nay toàn tỉnh có 273/1996 cán bộ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (chiếm 14%). [31, tr6].

Bên cạnh đó, tỷ lệ cán bộ nữ được giới thiệu đại biểu Quốc hội tăng qua từng năm, cụ thể: Nữ đại biểu Quốc hội: Khóa XII: 03/07 người, tỷ lệ 42,9%; Khóa XIII: 01/07 người, tỷ lệ 14,3%; Khóa XIV: 4/7 người, tỷ lệ 54,14%.

Bảng 2.2: Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội

Khóa XII		Khóa XIII		Khóa XIV	
Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)
03/07	42,37	01/07	14,28	04/07	54,14

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

Số liệu thống kê trên cho thấy, tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội khóa XIII giảm 28,09% so với khóa XII, tuy nhiên tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội trên địa bàn tỉnh khóa XIV tăng lên 39,86% so với khóa XIII, đây là một kết quả khá quan trọng trong thực hiện pháp luật về BDG tại địa phương.

Bảng 2.3: Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu HĐND các cấp

	NK 2006-2011		NK 2011-2016		NK 2016-2021	
	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)
Cấp tỉnh	09/52	17,31	11/55	20	13/55	23,63
Cấp huyện	86/463	18,57	74/464	15,95	96/466	20,6
Cấp xã	687/4.562	15,06	869/4.809	17,24	1.038/4.708	22,03

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

Như vậy, nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2006 - 2011: 782/5.077 người, đạt 15,4%; nhiệm kỳ 2011 - 2016: 954/5.328 người, đạt 17,9%; nhiệm kỳ 2016 – 2021: 1.147/5.229 người, đạt 21,9%. Nhìn chung tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp trong tỉnh tăng dần qua các nhiệm kỳ. Trong đó, tỷ lệ nữ đại

biểu HĐND cấp tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021 tăng 3,63% so với nhiệm kỳ trước và tăng so với trước khi Luật Bình đẳng giới ban hành là 6,32%; tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp huyện tăng 4,65% so với nhiệm kỳ trước, tăng so với trước khi Luật bình đẳng giới ban hành 2,03%; tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp xã tăng 4,79% so với nhiệm kỳ trước và tăng 6,97% so với trước khi Luật bình đẳng giới ban hành.

Qua số liệu về đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND và nữ cấp ủy như trên đã cho thấy phụ nữ đã có mặt hầu hết trong Đảng bộ, HĐND các cấp. Đặc biệt là ở cơ sở, đã có nhiều lãnh đạo nữ trẻ giữ các chức danh chủ chốt trong HĐND, UBND, Đảng bộ xã. Mặc dù tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng và đại biểu HĐND các cấp trong tỉnh có tăng qua các nhiệm kỳ nhưng tỷ lệ này vẫn chưa đạt so với chỉ tiêu Kế hoạch hành động đề ra là: phấn đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016 - 2020 từ 20% trở lên; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2015 từ 21% trở lên và nhiệm kỳ 2016 - 2021 trên 30%.

Bảng 2.4: Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan quản lý nhà nước tỉnh và huyện

	Năm 2012		Năm 2017	
	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)
Cấp tỉnh	05/92	5,4	08/103	7,7
Cấp huyện	82/545	15	100/537	18,6

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

Bảng 2.5: Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức chính trị - xã hội

	Năm 2007		Năm 2012		Năm 2017	
	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)	Nữ/tổng số	Tỷ lệ (%)
Cấp tỉnh	06/21	28,5	08/21	38	06/21	28,5
Cấp huyện	66/248	26,61	46/252	18,2	65/205	31,7
Cấp xã			465/1.880	24,7	507/1.820	27

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

Hiện nay, nữ giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể tỉnh có 6/41 đồng chí (tỷ lệ 14,63%); nữ phó giám đốc các sở, phó trưởng các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể có 18/120 đồng chí (tỷ lệ 15%). Nữ lãnh đạo giữ chức vụ trưởng các ngành cấp huyện có 48/289 (tỷ lệ 16,6%); nữ lãnh đạo giữ chức vụ Phó trưởng các ngành cấp huyện có 115/442 (tỷ lệ 26%). Cấp cơ sở có 4 nữ Bí thư, 19 nữ Phó Bí thư; 01 nữ chủ tịch, 24 nữ Phó Chủ tịch HĐND, 02 nữ Phó chủ tịch UBND, 36 nữ Chủ tịch UBND cấp xã. Hiện nay, số lượng cán bộ nữ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có 01 đồng chí là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Chủ tịch HĐND tỉnh. Tỷ lệ này chưa đạt so với chỉ tiêu Kế hoạch hành động của tỉnh đề ra “phấn đấu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 90% cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”.

Với kết quả đạt được như trên, có thể khẳng định, công tác thực hiện pháp luật về BDG về chính trị ở tỉnh đã có một số bước tiến mới, tỷ lệ nữ giữ chức vụ quản lý tương đối cao và có sự gia tăng nhất định điều đó thể hiện được vai trò, khả năng của phụ nữ tham gia tổ chức chính trị - xã hội. Kế hoạch hành động Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, công tác cán bộ nữ trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến tích cực; công tác tuyển dụng, quy hoạch dự nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo nữ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, hội, đoàn thể từng bước được quan tâm. Tỷ lệ cán bộ nữ ưu tú được tín nhiệm tham gia các chức danh chủ chốt ngày càng tăng, góp phần tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý có điều kiện đóng góp khả năng, trí tuệ vào sự nghiệp phát triển chung của tỉnh.

2.2.3. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm

Trong lĩnh vực kinh tế đã có sự tham gia của cả nam và nữ vào hoạt động kinh tế và các ngành nghề kinh doanh. Việc làm cho phụ nữ đã được

quan tâm và đạt được những kết quả khích lệ. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị giảm. Tỷ lệ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, chủ trang trại trên địa bàn tỉnh năm 2007 là 13%. Từ năm 2011 đến đầu năm 2018, ước toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 256.360 lao động (bình quân mỗi năm giải quyết cho 36.480 lao động/năm). Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 30%. [31, tr8].

Đến nay ở địa phương, hoạt động này đang thu được nhiều kết quả khả quan, mang lại sự chuyển biến tích cực trong đời sống của nhiều chị em phụ nữ ở nông thôn và đặc biệt là vùng sâu, vùng xa nơi có đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 5 năm (2011-2015) số lượt hộ nghèo được vay vốn 50.684 lượt hộ, đạt 95% so với hộ nghèo có nhu cầu vay vốn, 85% tỷ lệ hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn từ chương trình xóa đói giảm nghèo. [32, tr6].

Từ những mô hình khuyến nông đã xuất hiện rất nhiều gương sáng trong việc làm giàu từ nông nghiệp, góp phần cải thiện thu nhập cho phụ nữ nông thôn, phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trên cơ sở thành công bước đầu, các cấp, các ngành đang tiến hành lựa chọn một số mô hình mẫu trong khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để thực hiện việc nhân rộng đến các huyện trên địa bàn tỉnh.

Về BDG trong phân công lao động tại gia đình, đã được cụ thể hóa trong các quy định pháp luật, cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền đến nhân dân và được tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc nên đã đạt được những thành quả nhất định. Nhiều người phụ nữ không chỉ bó hẹp việc làm của họ trong công việc gia đình mà đã tham gia làm kinh doanh, làm cán bộ, sự phân công lao động trong gia đình gần tiến bước tới sự cân bằng cho cả nam và nữ. Đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, sự phân công trong gia đình bước đầu đã có sự chuyển biến, áp lực công việc gia đình đối với phụ nữ đang có xu hướng giảm.

Thực hiện Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của UBND

tỉnh ban hành về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010-2015 trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó Hội LHPN tỉnh đã xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án và tổ chức các lớp dạy nghề như mây tre đan, may công nghiệp, trồng hoa, trồng rau an toàn...cho phụ nữ. Nhìn chung phân bố cơ cấu nam, nữ trong các ngành nghề cho thấy, nam giới vẫn thường chiếm tỷ lệ cao hơn ở những nhóm việc như công nhân, lãnh đạo, dịch vụ cá nhân, công việc chuyên môn kỹ thuật và lực lượng vũ trang. Phụ nữ thường chiếm tỷ lệ cao ở một số nhóm nghề khác như nông nghiệp, buôn bán nhỏ, nhân viên văn phòng, các dịch vụ...Song song đó, tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ tại khu vực thành thị cũng có xu hướng giảm nhẹ.

2.2.4. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong những năm qua đạt được những kết quả như sau:

Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt trên 99%; tỷ lệ học sinh nữ khá, giỏi, trúng tuyển đại học, cao đẳng ngày càng cao. Các cấp ủy Đảng thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, sau 10 năm thực hiện pháp luật về BDG, tính đến nay, tỷ lệ nữ trong tổng số người được đào tạo trên đại học trên địa bàn tỉnh là 145/882 người, trong đó Thạc sỹ: 141/790, chiếm 17,84% (*tăng 1,97% so với năm 2012*), Tiến sĩ 04/42, chiếm 9,52% (*tăng 4,26% so với năm 2012*), tỷ lệ nữ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước: 239/995 người, đạt 24,02%, tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 97% (*vượt chỉ tiêu Chiến lược 7%*), trong đó nữ chiếm tỷ lệ gần 50% trong số người biết chữ. Đảng viên nữ chiếm 32,1%[24, tr8].

Tỷ lệ nữ giáo viên đạt chuẩn và vượt chuẩn ngày càng cao, cụ thể: Mầm non đạt chuẩn và trên chuẩn (tỷ lệ 99,7%); Tiểu học (tỷ lệ 87%); Trung học cơ

sở (99,6%); Giáo dục thường xuyên (tỷ lệ 100%). Tạo điều kiện để 100% trẻ em gái từ 7- 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học và được vào lớp 1. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã từng bước quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực (trong đó có nguồn nhân lực nữ), mặt khác bản thân nữ cán bộ công chức, viên chức, người lao động đã tự phấn đấu vươn lên, vừa làm vừa học để nâng cao trình độ, tỷ lệ nữ tiến sĩ, thạc sĩ cũng dần được tăng lên. Theo số liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo hiện nay toàn tỉnh tỷ lệ phổ cập THCS đạt 90%, không còn tỷ lệ phụ nữ chưa biết chữ ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. [31, tr6]. Nhìn rõ các vấn đề đó nên các ngành giáo dục đã có nhiều phương thức tổ chức khác nhau để nâng cao trình độ dân trí nói chung và việc học tập con chữ nói riêng cho tất cả người dân, trong đó có phụ nữ, đã xây dựng trường bán trú riêng và có chính sách riêng dành cho con em người dân tộc thiểu số theo học cấp 2 và 3.

2.2.5. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

Trong thời gian qua, nhằm bảo đảm BDG giữa nam và nữ trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe tình dục đã ban hành hành các văn bản triển khai Chiến lược Dân số, sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, tích cực triển khai thực hiện đề án can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh. Kết quả đạt được thể hiện trên một số nội dung sau:

Lãnh đạo các cấp có sự quan tâm đáng kể trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em; quan tâm, hỗ trợ kinh phí cho Hội LHPN thực hiện “*Đề án giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt giai đoạn 2010-2015*”. Có trên 98% các trạm y tế có bác sĩ và 100% trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản-nhi. Hệ thống y tế tư nhân phát triển cũng có những đóng góp tích cực vào việc chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung và cho phụ nữ nói riêng. Việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho các vùng sâu vùng xa cũng được cải thiện. Nhiều nỗ lực lớn đã được tập

trung cho chăm sóc sản nhi, đặc biệt là chăm sóc sản phụ trước và sau khi sinh. Tỷ lệ sản phụ sinh con tại các cơ sở y tế cao nên tránh được những rủi ro trong việc tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản. Phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con cũng được quan tâm đáng kể. Theo số liệu điều tra tại Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh, tỷ lệ phụ nữ sinh con tại các cơ sở y tế hàng năm tăng dần, năm 2010 là 84,3% đến năm 2016 là 90,1%; tỷ lệ phụ nữ sinh để được khám thai trên 3 lần năm 2011 là 83%, năm 2016 là 87,4%. Theo số liệu điều tra tại Trung tâm HIV tỉnh, số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV năm 2010 là 3.136 người, tỷ lệ 18,17% đến năm 2016 là 16.158 người, chiếm tỷ lệ 65,65%. [24, tr10].

Kết quả tỷ số giới tính khi sinh năm 2017 là: 111,07 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái (năm 2011: 117,3 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái). Đã có 100% các cơ sở y tế cam kết không thông báo giới tính thai nhi; ít nhất có 85% các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập được thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định không thông báo giới tính thai nhi. Qua 07 năm thực hiện Kế hoạch hành động, nhiều chỉ tiêu cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản đều đạt được. Bên cạnh đó, nhờ sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự cố gắng, nỗ lực của Ngành Y tế, tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản đã có sự cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Kết quả, tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản trong năm 2017: 0/10.309 trẻ đẻ sống (năm 2011: 01/18.254 trẻ đẻ sống). Trong đó, kết quả, tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2017: 55,94% (năm 2011 15,16%). Kết quả trên cho thấy ngành y tế không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; đặc biệt tạo điều kiện cho phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con và đẩy lùi tình trạng lan rộng của bệnh dịch HIV/AIDS. Kết quả, tỷ lệ phá thai năm 2017: 6,55% (năm 2011 là 6%). 100% trạm y tế xã có Y sỹ sản nhi và nữ hộ sinh có trình độ trung cấp.

Ngoài ra, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau khi sinh được cán bộ y tế can thiệp >90%. Ngành Y tế tiếp tục triển khai Chiến lược chăm sóc sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020. [31, tr8].

Nhìn chung, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng, công tác dân số- kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em được chú trọng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về y tế từng bước được nâng lên; chất lượng khám, chữa bệnh, tinh thần phục vụ đối với bệnh nhân bước đầu có chuyển biến tích cực; quản lý hành nghề y được tư nhân; thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đạt một số kết quả quan trọng.

2.2.6. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Trong điều kiện kinh tế xã hội phát triển, phụ nữ có nhiều cơ hội thuận lợi để phát huy tốt vai trò và vị thế của mình, nền tảng chính trị của đất nước ổn định là cơ hội hàng đầu đảm bảo cho phụ nữ phấn đấu tiến bộ, bình đẳng phát triển. Kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu cao đòi hỏi người lao động phải có khả năng thường xuyên tiếp nhận tri thức mới. Do vậy, người phụ nữ có điều kiện học tập nâng cao trình độ là một cơ hội lớn. Tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển làm giảm bớt thời gian nội trợ của phụ nữ. Do đó, phụ nữ có nhiều thời gian tham gia các hoạt động xã hội khác nhau. Tuy nhiên, Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ thông tin dẫn đến những biến đổi sâu sắc về kinh tế, xã hội những sự thay đổi quan trọng về cơ cấu ngành nghề, những đòi hỏi mới rất cao về trình độ và kỹ năng lao động, đồng thời cũng dẫn đến những chênh lệch ngày càng lớn về thu nhập giữa lao động trong các ngành nghề, giữa các loại lao động với hàm lượng tri thức khác nhau. Trong bối cảnh đó, đều phải đối mặt với nguy cơ là sẽ tăng tỷ lệ phụ nữ bị đứng ngoài lề so với sự phát triển chung, sẽ ngày càng ít phụ nữ được đào tạo và đào tạo lại ở mức đủ trình độ, kỹ năng hoạt động trong các ngành nghề ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao.

Điều đó đòi hỏi nhà nước phải có các chính sách đặc biệt, có tầm nhìn chiến lược theo quan điểm bình đẳng giới trong quá trình chuyển đổi cơ chế ngành nghề kinh tế - kỹ thuật nhằm xoá định kiến nghề nghiệp trên cơ sở giới tính trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, trong các địa chỉ sử dụng lao động và trong cộng đồng nói chung.

2.2.7. Thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong các lĩnh vực văn hóa và thông tin

Sở Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn liên quan định hướng công tác tuyên truyền về BDG bằng các hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với các đối tượng tiếp nhận thông tin, thông qua các hoạt động này, các sản phẩm văn hóa, thông tin về BDG đã tăng lên và giảm dần các sản phẩm truyền thông mang định kiến giới, đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã có hàng nghìn bài viết, phóng sự, tin phản ánh về đề tài phụ nữ, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới... Trên địa bàn toàn tỉnh, hiện có 30% (năm 2011 là 20%) Đài Truyền thanh và Phát lại truyền hình các huyện, thành phố có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về BDG, hầu hết các Đài là lồng ghép nội dung tuyên truyền BDG trong các chương trình. Năm 2017, đã giảm 66% các sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới, đạt chỉ tiêu đề ra, tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về BDG, chuyên mục phụ nữ và chuyên mục BDG, công tác kiểm tra và thu hồi các sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới đã được chú trọng và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Riêng đối với ngành văn hóa, thể thao và du lịch đã lồng ghép đưa công tác BDG vào tiêu chuẩn xét, công nhận các danh hiệu Gia đình văn hóa, Thôn - Tổ dân phố văn hóa. Đặc biệt, gắn việc triển khai thực hiện Mô hình 4 về xây dựng, sửa đổi quy ước, hương ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới vào quá trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn

hóa” trên toàn tỉnh nhằm tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn tỉnh có nhận thức đúng về bình đẳng giới trong thời kì mới. Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức 4 đợt mít tinh, diễu hành nhân ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ 25/11; tổ chức nói chuyện chuyên đề về công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình cho đối tượng là đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình (tháng 6/2016, tháng 6/2017); tổ chức nói chuyện chuyên đề tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình cho đối tượng cán bộ công chức theo dõi công tác gia đình thuộc các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và cán bộ công đoàn viên chức các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn thành phố, đoàn viên thanh niên, hội phụ nữ các xã, phường trong thành phố. Hàng năm, tổ chức tập huấn công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình cho đội ngũ cán bộ theo dõi công tác gia đình ở các huyện, thành phố và 184 xã, phường, thị trấn; in ấn, cấp phát cho các huyện, thành phố 1500 quyển sách tổng hợp các văn bản quản lý nhà nước về công tác gia đình; in ấn, cấp 200 đĩa CD tuyên truyền hỏi đáp về Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh mở chuyên mục “Hạnh phúc gia đình” phát trên sóng PTQ mỗi tháng 02 lần. Qua chuyên mục, Sở đã lồng ghép các nội dung liên quan đến việc giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của người phụ nữ Việt Nam, tích cực quảng bá, giới thiệu hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ mới. [23, tr4].

2.2.8. Thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong gia đình

Đến năm 2017, trên địa bàn tỉnh đã có khoảng 50% số nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn về pháp lý, sức khỏe, được các cơ quan, đoàn thể, địa phương giúp đỡ tại chỗ hoặc đưa đi khám bệnh, chăm sóc sức khỏe (đạt chỉ tiêu đề ra, kế hoạch 2020 là 50%); 70% số người gây bạo lực gia đình được tư

vấn về pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình (không đạt chỉ tiêu đề ra, kế hoạch 2020 là 85%). Đến nay, các huyện, thành phố đã kiện toàn Ban Chỉ đạo Phòng, chống bạo lực gia đình và có kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ công tác gia đình. Các cấp Hội Phụ nữ đã chú trọng đến việc củng cố mô hình Câu lạc bộ gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc, với hơn 1.666 câu lạc bộ, mô hình (thu hút 24.600 phụ nữ tham gia); đã lồng ghép, tư vấn, hỗ trợ kiến thức xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, chăm sóc sức khỏe; đề xuất hơn 30.000 phụ nữ, trẻ em được hưởng các quyền lợi như cứu tế đỡ đỡ, cứu trợ thường xuyên, xây dựng nhà ở... Thông qua hoạt động giải quyết đơn thư, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải cơ sở các cấp Hội Phụ nữ đã tích cực, chủ động, phối hợp và tham gia phối hợp cùng với ban, ngành, hội, đoàn thể tổ chức tư vấn, can thiệp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của hội viên, phụ nữ và hòa giải thành công 300 vụ liên quan đến bạo lực gia đình, hôn nhân gia đình. Nhiều mô hình được duy trì và nhân rộng, thu hút nhiều chị em hội viên phụ nữ tham gia trong đó nổi bật là mô hình câu lạc bộ “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Xây dựng gia đình phát triển bền vững”. Các mô hình câu lạc bộ “Phòng chống bạo hành gia đình”, với 375 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng đã được triển khai và trực tiếp hỗ trợ, tư vấn cho nạn nhân bị bạo hành. Đa số địa chỉ tin cậy hoạt động hiệu quả, giúp đỡ nhiều nạn nhân bạo lực gia đình (phần lớn là phụ nữ) tránh rủi ro về sức khỏe, tính mạng, giảm thiểu được hậu quả của bạo lực gia đình.

Giai đoạn 2011 đến năm 2016, Công an tỉnh đã phát hiện, thụ lý điều tra 51 vụ án có liên quan đến mua bán phụ nữ, xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình (trong đó: 01 vụ mua, bán người, 17 vụ hiếp dâm trẻ em, 15 vụ giao cấu trẻ em, 05 vụ dâm ô với trẻ em, 01 vụ cưỡng dâm, 02 vụ hành hạ người khác, 10 vụ giết người); kịp thời phát hiện, xử lý 208 trẻ em vi phạm pháp luật (trong đó: khởi tố 08 bị can, xử lý hành chính 50 đối tượng và áp dụng các biện pháp

khác 150 đối tượng); tiếp nhận, hỗ trợ 03 trường hợp là nạn nhân mua, bán người tái hòa nhập cộng đồng. Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị chức năng chủ động rà soát, kiểm tra, phát hiện những trường hợp trẻ em bị bóc lột sức lao động và nguy cơ bị bóc lột sức lao động, trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực, ngược đãi để xử lý và phối hợp với cơ quan có liên quan giải quyết theo quy định của pháp luật. [31, tr7].

2.3. Ưu điểm, hạn chế trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại tỉnh Quảng Ngãi

2.3.1. Ưu điểm trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã có rất nhiều nỗ lực phát triển kinh tế và thực hiện các mục tiêu tiến bộ xã hội, trong đó phải kể đến việc thực hiện pháp luật về BDG và phát triển con người. Khái quát kết quả quá trình thực hiện pháp luật về BDG trên địa bàn tỉnh thời gian qua, có thể nhận thấy những ưu điểm sau:

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện kịp thời, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, tạo thuận lợi nhất định cho các cấp, các ngành, các địa phương triển khai thực hiện trên thực tế, cụ thể hóa các mục tiêu về BDG; việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BDG tại tỉnh phần lớn đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là đối với cán bộ, công chức có trách nhiệm tổ chức thực hiện, cán bộ lãnh đạo, quản lý...Qua đó, giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận thức đầy đủ tính chất quy mô, tầm quan trọng của pháp luật về BDG để thực hiện. Bên cạnh đó, còn giúp cho mọi người dân hiểu và thực hiện tốt, đặc biệt trong việc lồng ghép vào các hoạt động khác, thông qua đó tạo cho người dân ý thức tự giác thực hiện, tham gia thực hiện nhằm tạo sự đồng thuận cao trong mọi tầng lớp xã hội, đồng thời họ cũng có thể tham gia vào quá trình giám sát thực hiện pháp luật về BDG; sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh

khá cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ, chức năng và chuyên môn của từng ngành, từng đơn vị, tạo sự chủ động tổ chức thực hiện pháp luật BDG và có cơ chế phối hợp một cách cụ thể, chặt chẽ.

Thứ hai, kết quả đạt được lớn nhất trong thực hiện pháp luật về BDG thời gian qua là, đa số các nội dung thực hiện pháp luật về BDG đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: i) *Trong lĩnh vực chính trị*, tỷ lệ nữ giữ chức vụ quản lý tương đối cao và có sự gia tăng nhất định điều đó thể hiện được vai trò, khả năng của phụ nữ tham gia tổ chức chính trị - xã hội, công tác quy hoạch dự nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo nữ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, hội, đoàn thể được quan tâm, phát triển cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ cán bộ nữ ưu tú được tin nhiệm tham gia các chức danh chủ chốt ngày càng tăng, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ngày càng rộng khắp, tỷ lệ được đào tạo nghề ngày càng tăng, tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ tại khu vực thành thị cũng có xu hướng giảm nhẹ...; ii) *trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*. Từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong những năm qua đạt được những kết quả quan trọng như: tỷ lệ học sinh nữ khá giỏi trúng tuyển đại học, cao đẳng ngày càng cao, tỷ lệ nữ trong tổng số người được đào tạo trên đại học trên địa bàn tỉnh tăng, xây dựng chính sách hỗ trợ và điều chỉnh cho phù hợp với cán bộ nữ đi học hoặc điều động luân chuyển...; iii) *trong lĩnh vực y tế*. Chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao, công tác dân số- kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em được chú trọng, chăm sóc sức khỏe sinh sản tỷ lệ ngày càng tăng, chất lượng khám, chữa bệnh, tinh thần phục vụ đối với bệnh nhân bước đầu có chuyển biến tích cực, nhất là ở cơ sở...; iv) *trong các lĩnh vực văn hóa và thông tin*, thực hiện tốt công tác lồng ghép BDG, hình thức phong phú, đa dạng, công tác kiểm tra và thu hồi các sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới đã được chú trọng và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả...; v) *thực hiện*

bình đẳng giới trong gia đình, với nhiều giải pháp đồng bộ đã dần loại loại bỏ sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện tốt công tác tư vấn về pháp lý, sức khỏe, bạo lực gia đình tư vấn, hỗ trợ kiến thức xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, chăm sóc sức khỏe; tổ chức nhiều mô hình cách thức thực hiện có hiệu quả...

Thứ ba, qua hơn 10 thực hiện pháp luật về BDG, nhận thức của các cấp ủy, chính quyền cũng như người dân tại địa phương về giới, BDG, về phụ nữ và công tác phụ nữ được nâng lên rõ rệt. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đội ngũ cán bộ nữ có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng, có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và tinh thần trách nhiệm; vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được khẳng định...Điều này thể hiện rõ trên kết quả thực hiện của các cơ quan/ đơn vị so với nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 như sau: *i) Đối với các huyện, thành phố*: Huyện Lý Sơn 7 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu); Huyện Bình Sơn 8 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Sơn Tịnh 6 chỉ tiêu vượt, 7 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu đề ra; Thành phố Quảng Ngãi 7 chỉ tiêu vượt, 8 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Đức Phổ 10 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Mộ Đức 05 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Nghĩa Hành 6 chỉ tiêu vượt, 7 chỉ tiêu đạt/22 chỉ tiêu; Huyện Tư Nghĩa 6 chỉ tiêu vượt, 6 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Minh Long 5 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Ba Tơ 7 chỉ tiêu vượt, 7 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Trà Bồng 7 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Tây Trà 5 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Sơn Hà 9 chỉ tiêu vượt, 6 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu; Huyện Sơn Tây 7 chỉ tiêu vượt, 5 chỉ tiêu đạt/ 22 chỉ tiêu. *ii) Đối với các sở, ngành*: Chỉ tiêu đạt và vượt đạt 60 - 70%/tổng

số các chỉ tiêu của KHHĐ, gồm các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Ngoại vụ, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Kế hoạch- Đầu tư, Công an tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Kho bạc nhà nước, Ngân hàng nhà nước. Nguyên nhân do Kế hoạch hành động của các sở, ngành, địa phương chưa phù hợp với nhiều chỉ tiêu của Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của tỉnh (ví dụ như chỉ tiêu 1 mục tiêu 6: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 2 lần vào năm 2015 và xuống 1,5 lần vào năm 2020...). [24, tr10].

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế

Quá trình thực hiện pháp luật về BDG tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua còn có những hạn chế sau:

Thứ nhất, một số cấp ủy, cơ quan, tổ chức nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng, vai trò, vị trí của công tác BDG và vì sự tiến bộ của phụ nữ, vì vậy, trong lãnh đạo, chỉ đạo còn chưa thực sự coi trọng công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, việc kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa sâu sát, còn mang tính hình thức; công tác chỉ đạo, điều hành ở một số sở, ngành, địa phương chưa thực sự sâu sát, quá trình ban hành văn bản tổ chức thực hiện một số cơ quan trên địa bàn tỉnh kế hoạch triển khai thực hiện pháp luật về BDG còn có những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn, thậm chí mâu thuẫn; công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế, kế hoạch kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa được chú trọng, cơ chế trong giám sát, kiểm tra, đánh giá vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp trong thực hiện các mục tiêu, kế hoạch về công tác phụ nữ và BDG còn thiếu; nội dung, phương pháp công tác thông tin, tuyên truyền về BDG trên hệ thống thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí...) chưa thường xuyên, liên tục, chưa có nhiều đổi mới, có thời điểm hiệu quả chưa cao.

Thứ hai, các nội dung thực hiện pháp luật về BDG còn những hạn chế nhất định, tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau: *i) trong lĩnh vực chính trị:*

tỷ lệ nữ giữ chức vụ quản lý, lãnh đạo các cấp, các ngành đạt thấp so với kế hoạch đặt ra, cán bộ nữ chủ yếu vẫn giữ vị trí cấp phó, tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy, quản lý, lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở tỉnh vẫn còn thấp, thiếu tính bền vững, chưa đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ cán bộ nữ theo quy định của Trung ương và Kế hoạch hành động của tỉnh về BDG, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ nữ vẫn còn có những bất cập, chưa xây dựng được cơ chế chính sách đặc thù cho phụ nữ có con nhỏ, phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đi học...; ii) *trong lĩnh vực kinh tế, lao động*: thu nhập bình quân của lao động nữ vẫn thấp hơn so với lao động nam, chênh lệch về tỷ lệ nam nữ tham gia hoạt động kinh tế, tham gia quản lý, lãnh đạo ở các cấp trong hoạt động kinh tế còn khá cao, tỷ lệ lao động nữ chưa qua đào tạo, nhất là ở khu vực nông thôn còn mức quá thấp, việc tiếp cận và sử dụng nguồn vốn vay ở khu vực nông thôn còn thấp, phụ nữ ở nông thôn ít có cơ hội tham gia các lớp tập huấn chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật, vùng nông thôn và khu vực miền núi, dân tộc ít người sự mất BDG về lao động còn khá phổ biến, điều kiện lao động, thu nhập và an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) đối với lao động nữ làm việc trong khu vực phi chính thức còn nhiều hạn chế...; iii) *trong lĩnh vực giáo dục*: ở các cấp học càng cao thì khoảng cách giới càng lớn, đặc biệt, đối với phụ nữ vùng nông thôn, vùng sâu và vùng xa, hiện tượng bỏ học chủ yếu tập trung vào trẻ em gái và trong gia đình nghèo, trẻ e gái cơ hội được đi học hạn chế hơn trẻ em trai, tư tưởng định kiến giới trong học tập vẫn còn tồn tại...iv) *trong lĩnh vực y tế*: phụ nữ còn gặp khó khăn hơn trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế, nhất là vùng sâu, vùng xa, chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản ở vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số chưa cao, tỷ lệ nạo phá thai ở trẻ chưa thành niên đang có xu hướng tăng cao, tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV còn thấp...v) *trong lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao*: trên thị trường vẫn còn những sản phẩm văn hoá, thông tin mang tính định kiến giới

chưa được kiểm soát, công tác tuyên truyền, giáo dục về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng còn chưa linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực, chưa theo dõi, kiểm tra các hoạt động và sản phẩm văn hoá, thông tin từ góc độ giới một cách thường xuyên...vi) *trong lĩnh vực gia đình*: nhận thức về giới cũng như về BDG chưa được thực hiện một cách triệt để và đồng đều ở các lĩnh vực, các vùng miền, bạo lực giới vẫn còn, tỷ lệ gánh chịu bạo lực thân thể trong cuộc đời của người phụ nữ do bạn trai hoặc chồng mình gây nên ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị, tỷ lệ bạo lực hiện hành trong nhóm người trẻ tuổi cao hơn và giảm dần theo độ tuổi, tình trạng này cũng xảy ra ở những phụ nữ ít học...Những hạn chế này thể hiện rõ qua việc đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu chưa đạt của Kế hoạch hành động BDG 2011 – 2020 của tỉnh như: chỉ tiêu 3 (mục tiêu 1): Phần đầu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 100% cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ đối với các cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chỉ tiêu 1 (mục tiêu 6): Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 2 lần vào năm 2015 và xuống 1,5 lần vào năm 2020; chỉ tiêu 2 (mục tiêu 6): Đến năm 2015 đạt 40% và đến năm 2020 đạt 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 85% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ tiêu 2 (mục tiêu 7): Đến năm 2017 và duy trì đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới; chỉ tiêu 3 (mục tiêu 7): Đến năm 2017 và duy trì đến năm 2020 các huyện, thành phố thuộc tỉnh bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng

giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. [24, tr11].

Thứ ba, việc triển khai quy định lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật còn gặp khó khăn, lúng túng, sự phối hợp giữa các đơn vị thực hiện với nhân dân để thực hiện việc giám sát, phản biện trong quá trình tổ chức thực hiện hiệu quả chưa cao. Đội ngũ cán bộ, công chức tham gia vào thực hiện pháp luật về BDG thiếu về số lượng, hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ; việc đầu tư nguồn lực cho việc thực hiện pháp luật về BDG chưa tương xứng với nội dung, công việc...Chất lượng hoạt động lồng ghép giới trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cũng như hoạt động thực hiện của các cơ quan, đơn vị, tổ chức hiệu quả chưa cao, còn nhiều bất cập, chưa xây dựng được bộ công cụ lồng ghép giới tại địa phương...

Thứ tư, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở tuy đã được kiện toàn. Song, chất lượng và hoạt động còn hạn chế, cán bộ làm công tác BDG cấp huyện, thành phố hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm nên việc tham mưu, giúp việc cơ quan thường trực Ban còn nhiều hạn chế, sự phối hợp chưa chặt chẽ, thiếu chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất, còn lúng túng trong lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, nền nếp, chế độ công tác chưa duy trì hoạt động thường xuyên...

Thứ năm, thực hiện pháp luật về BDG là một lĩnh vực rộng, khó và phức tạp, do vậy, việc thu thập, thống kê các số liệu về tình hình thực hiện các mục tiêu quốc gia về BDG, cũng như thực trạng số liệu những vấn đề mới phát sinh trong quá trình thực hiện pháp luật BDG chưa bảo đảm tính chính xác, đầy đủ nội dung, phản ánh đúng thực tiễn đang xảy ra như: một số dữ liệu quan trọng về BDG trên các lĩnh vực (giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ...) chưa được cập nhật thường xuyên, việc thiếu thông tin, dữ liệu tách biệt theo giới tính hoặc có ít hoặc không đầy đủ, không đồng bộ và toàn diện

trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Bên cạnh đó, sự quan tâm, nhìn nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên một số vấn đề về BDG trong giai đoạn hiện nay còn chưa thống nhất như: vấn đề chuyển đổi giới tính – một thực tế đang diễn ra nhưng gần như chưa được đề cập, mặc dù số lượng người chuyển đổi giới tính hiện nay ở nước ta số lượng không nhiều, tuy nhiên bản thân địa phương tỉnh Quảng Ngãi đã có trường hợp chuyển đổi giới tính từ nam sang nữ và dự báo chung số lượng ngày sẽ càng tăng trong tương lai, điều này phù hợp với định hướng xây dựng luật chuyển đổi giới tính được đề cập trong thời gian gần đây. Tại Việt Nam hiện nay chủ yếu là chuyển giới từ nam sang nữ còn phẫu thuật chuyển giới từ nữ sang nam là rất ít, do vậy dưới khía cạnh bảo đảm quyền con người và thực hiện pháp luật về BDG thì yêu cầu cần có các quy định pháp luật điều chỉnh vấn đề này là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của họ, cũng như phù hợp với các quy định pháp luật trong nước và quốc tế về vấn đề này.

Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, pháp luật hiện hành về BDG còn tồn tại những hạn chế nhất định: Mặc dù pháp luật về BDG đã có bước hoàn thiện lớn, nhưng bản thân hệ thống pháp luật này vẫn còn những hạn chế nhất định. Một trong những nguyên nhân cơ bản nhất là hầu hết quy định trong các văn bản luật liên quan đến BDG trên lĩnh vực chính trị đều không bị ràng buộc bởi các điều khoản chế tài nào nếu như không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mức, không đạt chỉ tiêu đề ra. Ví dụ, nếu không đạt chỉ tiêu nữ đại biểu HĐND đã nêu trong Chiến lược Quốc gia về BDG thì cũng không phải chịu chế tài nào. Chính vì vậy nên thời gian qua hầu như không đặt ra yêu cầu kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân của cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện pháp luật về BDG trong lĩnh vực chính trị để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng

mức, không đạt mục tiêu đề ra. Hoặc chưa có chế tài để xử lý các trường hợp bắt BĐG trong giáo dục khi cản trở học tập của trẻ em gái, không thực hiện các quy định về tạo điều kiện cho trẻ em gái đến trường; hoặc tình trạng bạo lực về tình dục, quấy rối tình dục pháp luật chưa có chế tài nghiêm khắc và cơ chế thực hiện chưa hiệu quả... Bên cạnh đó, quan niệm về trí thức nữ, cơ sở khẳng định phẩm chất trí tuệ cũng như những yếu tố tác động đến sự phát triển trí tuệ của phụ nữ còn nhiều tranh luận khác nhau, xuất phát từ sự hình thành, đặc điểm của nguồn lực trí thức nữ [25] cũng là nguyên nhân làm cho làm cho BĐG về chính trị trong phạm vi cả nước nói chung và địa phương chưa thực hiện được.

Thứ hai, năng lực quản lý nhà nước trong thực hiện pháp luật về BĐG còn có những hạn chế nhất định, chưa đáp ứng được yêu cầu: trước hết là năng lực của các tổ chức, cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về thực hiện pháp luật BĐG chưa đủ mạnh và thiếu hệ thống, đặc biệt là trong các lĩnh vực thu thập thông tin, phân tích giới, báo cáo và giám sát công tác thực hiện pháp luật về BĐG; do những lý do khác nhau nhiều cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trên địa bàn tỉnh không bố trí được cán bộ chuyên trách mà chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác BĐG; các chỉ số cơ quan quản lý nhà nước sử dụng để đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về BĐG thường chỉ tập trung vào đo lường hiện trạng bắt BĐG như: tỷ lệ phụ nữ trong cấp ủy, HĐND các cấp... mà thiếu chỉ số giám sát và đánh giá quá trình vận động, thực hiện các quy định pháp luật về BĐG để hướng tới đạt được BĐG thực chất và bền vững trong mọi hoạt động đời sống xã hội.

Thứ ba, nhận thức của cộng đồng, xã hội và gia đình tại địa phương về BĐG còn nhiều hạn chế, trong đó hạn chế lớn nhất là tư tưởng trọng nam khinh nữ ăn sâu trong nếp nghĩ của đại bộ phận dân cư, đây chính là rào cản dẫn đến suy nghĩ, thái độ và hành động kìm hãm phụ nữ, không thông cảm, chia sẻ, giúp đỡ, thiếu lòng tin vào tài năng của phụ nữ cũng như khả năng

lãnh đạo, xem nhẹ vai trò của phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động, lĩnh vực trong xã hội... Bên cạnh đó, cũng cần thấy rằng nhận thức của bộ phận phụ nữ về quyền lợi của mình còn nhiều hạn chế, chưa tự tin khẳng định vị thế bình đẳng của mình trong xã hội, nhất là phụ nữ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ tư, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương còn có những hạn chế nhất định, trong đó kinh tế phát triển chưa toàn diện, chưa bền vững, nguồn thu chủ yếu dựa vào nguồn thu từ nhà máy lọc dầu Dung Quất, nên việc tạo ra nguồn lực tài chính để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, thực hiện an sinh xã hội và thúc đẩy thực hiện BDG còn yếu. Trong khi đó, các chính sách xã hội trên các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ người có công, giáo dục miền núi, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... trên địa bàn tỉnh phải thực hiện nhiều, do vậy nguồn lực phân tán, hiệu quả trong thực hiện pháp luật về BDG giới không cao. Bên cạnh đó, đặc điểm khác biệt về dân cư, địa lý, trình độ dân trí... nên tiếp cận các vấn đề liên quan quan đến BDG và thực hiện pháp luật về BDG còn rất hạn chế...

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận văn đã tập trung phân tích làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về BDG tại tỉnh Quảng Ngãi dưới các khía cạnh về đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội. Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về BDG trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua trên các phương diện: tổ chức bộ máy thực hiện chính sách, pháp luật về BDG, đặc biệt đã phân tích đánh giá thực tiễn thực hiện các nội dung pháp luật về BDG trên các lĩnh vực chính trị, giáo dục, lao động việc làm, y tế, gia đình... Trên cơ sở đó, khái quát những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân. Qua đó, cho thấy thực hiện pháp luật về BDG có nội dung rất đa dạng, phong phú, thực hiện pháp luật về BDG

sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, vì lợi ích cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tuy nhiên, quá trình phân tích, đánh giá cũng đã chỉ ra những hạn chế, bất cập nhất định như: pháp luật về BDG còn có những quy định mang tính chung, chưa cụ thể, khó thực hiện trên thực tế, một số quy định còn chưa có sự thống nhất, đồng bộ nên dẫn đến việc nhận thức khác nhau và thực hiện có sự khác nhau; nội dung thực hiện pháp luật về BDG trên các lĩnh vực ở địa phương còn nhiều hạn chế, do vậy, cần thiết phải có các giải pháp để thực hiện các mục tiêu về BDG đã được Đảng và nhà nước và địa phương xác định, đây chính là cơ sở để tác giả đề xuất các giải pháp tại chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. Phương hướng tăng cường thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi

3.1.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng trong cụ thể hóa các chủ trương, định hướng về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Trong giai đoạn mới cùng với các điều kiện cụ thể của địa phương, các quan điểm, định hướng của Đảng và nhà nước về BDG cần tiếp tục được cụ thể hóa phù hợp để thực hiện có hiệu quả, để thực hiện tốt phương hướng cần chú ý các vấn đề sau: i) tiếp tục cụ thể hóa hơn nữa quyền bình đẳng nam - nữ, nghiêm cấm việc đối xử với phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động chính trị - kinh tế - văn hóa xã hội và gia đình theo tinh thần của Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng; ii) lãnh đạo công tác quy hoạch cán bộ nữ trong quy hoạch tổng thể về cán bộ của Đảng ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để chủ động về nhân sự, thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm; iii) chỉ đạo việc xây dựng các văn bản liên quan đến thực hiện pháp luật về BDG trên các lĩnh vực, nâng cao sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức khác trong quá trình thực hiện các nội dung liên quan đến BDG cũng như thực hiện việc lồng ghép giới trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; iv) thường xuyên chỉ đạo, theo dõi việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện pháp luật về BDG, để kịp thời đôn đốc, chỉ đạo xử lý những vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện, chỉ đạo công tác đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng kịp thời

những cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc, xử phạt thích đáng những cá nhân, tập thể vi phạm.

3.1.2. Thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật về bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới

Trước hết, các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cần thực hiện đầy đủ các nội dung tại các văn bản hướng dẫn và liên quan đến Luật Bình đẳng giới, cụ thể là: Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới; Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 về trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội LHPN Việt Nam tham gia quản lý nhà nước. [10, tr21]. Đặc biệt, chú ý cụ thể hóa và thực hiện mục tiêu tại Quyết định 2351/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2010 về Chiến lược quốc gia về BDG giai đoạn 2011 - 2020 là: *"Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước"*. [28] và Quyết định 515/QĐ-TTg năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án thực hiện biện pháp đảm bảo BDG đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2020. Để thực hiện tốt các nội dung này các cơ quan có thẩm quyền cần rà soát và tiến hành điều chỉnh một số chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về BDG còn bất cập cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, trong đó chú ý đến các mục tiêu cơ bản như: giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị; giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ là người dân tộc thiểu số; đảm bảo sự tham gia bình đẳng của nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; bảo đảm bình đẳng giới

trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bảo đảm BDG trong gia đình từng bước xóa bỏ bạo lực giới...

3.1.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Để thực hiện có hiệu quả phương hướng này cần tập trung vào các nội dung cơ bản sau: i) tiếp tục cụ thể hoá các nội dung pháp luật về BDG vào các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình nhiệm vụ thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị và địa phương; ii) nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các cấp cơ quan, các địa phương, các đoàn thể quần chúng và mọi người dân về các nội dung pháp luật về BDG, các mục tiêu BDG ở địa phương; iii) tăng cường quản lý nhà nước trong công tác phối hợp trong thực hiện pháp luật về BDG, đặc biệt là công tác phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện lồng ghép BDG vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; iv) nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung pháp luật về BDG, trong đó công tác đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm được xem là trọng tâm; v) tăng cường hoạt động đào tạo và các cơ chế khuyến khích phụ nữ tham gia vào nhiều ngành nghề khác nhau, thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào dân chủ cấp cơ sở.

Cần “*Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, sự tham gia của mỗi cá nhân, từng gia đình và cả cộng đồng đối với công tác bình đẳng giới; huy động tối đa mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả pháp luật về bình đẳng giới*”[1, Tr.70]. Để có cơ sở thực hiện đạt được những nội dung trên thì đòi hỏi việc tổ chức thực hiện pháp luật về BDG trong thời gian đến:

Việc phân công, phối hợp thực hiện pháp luật về BDG phải cụ thể, gắn với nhiệm vụ chính trị của mỗi ngành, tránh việc chồng chéo hoặc bỏ lửng

không có đơn vị nào, ngành nào chịu trách nhiệm. Việc phân công trách nhiệm tổ chức, điều hành hoặc tổng hợp báo cáo của kế hoạch kiểm tra đơn đốc thực hiện pháp luật về BDG cần được phân định một cách cụ thể. Sự phối hợp giữa các chủ thể phải chặt chẽ và đồng bộ, thống nhất trong hệ thống các quy định pháp luật về BDG trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình[1, Tr.71].

3.1.4. Mở rộng sự tham gia của nam giới khi tham gia giải quyết các vấn đề về bình đẳng giới

Nam giới đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy BDG, nhiều rào cản đối với BDG bắt nguồn từ các quan niệm về chuẩn mực xã hội và thái độ đối với giới, trong đó có thái độ của nam giới đối với phụ nữ làm lãnh đạo và làm việc nhà... Vì vậy, khi giải quyết các vấn đề lựa chọn giới tính thai nhi hay quyết định số con trong gia đình, cách nuôi dạy con, bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ, mại dâm, xâm hại tình dục... Việc theo đuổi mục tiêu BDG là trách nhiệm của tất cả mọi người, đòi hỏi có sự thay đổi của cả nam và nữ. Mục tiêu này không thể đạt được nếu thiếu sự tham gia của nam giới.

3.2. Các giải pháp tăng cường thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

3.2.1. Nhóm các giải pháp chung

3.2.1.1. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật trên cơ sở các nội dung thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Sự phát triển hiện nay của đất nước đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về BDG, để có đầy đủ khung pháp lý điều chỉnh các hoạt động này cũng như phù hợp với luật pháp quốc tế. BDG là vấn đề khá nhạy cảm, phức tạp, liên quan đến nhiều vấn đề, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về BDG là một yêu cầu mang tính thường xuyên và liên tục của Nhà nước nhằm bảo đảm quyền lợi cho các chủ thể nói chung và phụ nữ nói riêng. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về BDG cũng không nằm ngoài quy luật chung, nó

không chỉ là nhu cầu xuất phát từ chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước, từ yêu cầu khách quan mà còn nhằm đáp ứng nhu cầu của phụ nữ, của nhân dân, của xã hội và đáp ứng những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia. [12]. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về BDG cần tập trung vào các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, Quốc hội và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cần rà soát lại toàn bộ các văn bản hiện hành liên quan đến BDG, chú ý đến sự phù hợp giữa các quy định với đặc điểm đặc thù giới của phụ nữ, đặc điểm riêng của từng ngành, nghề; chú ý đến mối quan hệ giữa nội dung các quy định của pháp luật với cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm nội dung đó được thực hiện trong thực tế; mức độ thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; cơ chế pháp lý bảo đảm thực hiện của pháp luật về BDG... Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt việc tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Bình đẳng giới năm 2006 để có cơ sở khoa học cho việc sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định liên quan đến vấn đề này.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để bảo đảm quyền BDG thực chất trong lĩnh vực chính trị, việc đảm bảo bình đẳng thể hiện trên các nội dung như: tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội, tham gia xây dựng và thực hiện quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức, tham gia trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo cơ quan, tổ chức. [27, tr34,35]. Trong đó, đặc biệt chú ý đến việc tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các cơ quan dân cử tại địa phương, để thực hiện được vấn đề này cần: tăng cường công tác tuyên truyền, vận động bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp; thực hiện có hiệu quả và bảo đảm nguyên tắc BDG trong các hoạt động ứng cử, giới thiệu, hiệp thương; thực hiện

nghiêm các quy định về tỷ lệ nữ tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp. [1, tr43,44]. Tiếp tục cụ thể hóa điểm a khoản 5 Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006 tại quy định *“Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới”* bằng văn bản hướng dẫn để có thể thực hiện tốt trên thực tế. Bên cạnh đó, để thực hiện tốt BDG trên lĩnh vực chính trị trên thực tế cần nâng cao nhận thức các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương và toàn xã hội về BDG; xây dựng và thực hiện đồng bộ các chính sách về BDG; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ nữ, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH-HĐH; củng cố vai trò nòng cốt của Hội LHPN Việt Nam các cấp trong công tác vận động phụ nữ. [9, tr94,95].

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung pháp luật bảo đảm quyền BDG trong lĩnh vực văn hóa, lao động, xã hội trên các nội dung: Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc, về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác... [16, tr51]; nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh; nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng; nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế; nam, nữ bình đẳng trong việc tham gia các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; nam, nữ bình đẳng trong hưởng thụ văn hóa, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin; nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản... Trong lĩnh vực lao động, cần sửa đổi, bổ sung để giải quyết việc các doanh nghiệp phải đối xử công bằng giữa nam và nữ, chế độ đối với lao động nữ đang mang thai, chế độ thai sản... đặc biệt, chấm dứt được tình trạng các doanh nghiệp FDI sa thải

lao động nữ khi đến độ tuổi từ 35 tuổi trở đi. Mặc khác, cũng cần xem xét một cách thấu đáo, khoa học việc dự kiến tăng tuổi nghỉ hưu của nữ giới hiện nay từ 55 tuổi lên 60 tuổi liên quan đến những hệ lụy về xã hội, nhất là tỷ lệ thất nghiệp trong lao động trẻ sẽ gia tăng khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động vào năm 2019 và những vấn đề khác liên quan đến BDG trong bộ luật này. Bên cạnh đó, để phù hợp với các Công ước quốc tế cần hoàn thiện các quy định pháp luật về xóa bỏ lao động cưỡng bức, đặc biệt đối với lao động nữ trong một số ngành nghề đặc thù, theo đó cần hoàn thiện các quy định về lao động cưỡng bức hoặc lao động bắt buộc phù hợp với Công ước số 29 [20]; hoàn thiện cơ chế ngăn ngừa và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về lao động cưỡng bức hoặc lao động bắt buộc. [8, tr61,62]. Hoàn thiện các chính sách, pháp luật hỗ trợ phụ nữ tham gia vào thị trường lao động như phát triển dịch vụ hỗ trợ phụ nữ trong việc gia đình, chăm sóc trẻ em và chính sách, pháp luật khuyến khích các hộ gia đình sử dụng dịch vụ này, cũng như chính sách, pháp luật khuyến khích, tạo điều kiện cho nam giới cùng chia sẻ với phụ nữ trong việc chăm sóc con cái...[6, tr55]

Thứ tư, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến BDG giới trong lĩnh vực sức khỏe, sinh sản: Thực tế cho thấy, chăm sóc sức khỏe, tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế. Tỷ suất tử vong mẹ còn cao so với một số nước trong khu vực, mức giảm tỷ suất chết mẹ trong 10 năm qua còn chậm, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số, theo đánh giá của nhiều chuyên gia trong lĩnh vực dân số, thì trong 5 năm trở lại đây, chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh liên tục gia tăng. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự cân bằng giới tính trong dân số. (Theo đó, nếu như năm 2015, tỷ số giới tính khi sinh tại nước ta là 112,8/100 thì năm 2016, tỷ lệ này đã tới 113,4/100 tương đương cứ 100 bé gái được sinh ra thì có hơn 113 bé trai cũng ra đời), nếu tỷ số giới tính tiếp tục gia tăng và ngày càng lan rộng như hiện nay thì vấn đề về mất cân bằng giới của Việt Nam trong 20-25 năm

sau là hết sức nghiêm trọng...Do vậy, trong thời gian đến cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến các nội dung như: quy định rõ hơn về bình đẳng giữa nam và nữ trong việc tham gia các hoạt động giáo dục truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế; bình đẳng trong việc quyết định, lựa chọn các biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; việc sinh con đúng chính sách dân số...

3.2.1.2. Ban hành luật chuyển đổi giới tính và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến việc chuyển đổi giới tính

Xuất phát từ yêu cầu cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 liên quan đến bảo vệ quyền con người, quyền công dân, các quy định có liên quan đến việc chuyển giới trong Bộ luật dân sự 2015 và những hạn chế, bất cập liên quan đến một bộ phận người dân là người chuyển giới không thực hiện được các quyền chính đáng của mình, không có khả năng tham gia vào đời sống dân sự thông thường liên quan đến tất cả các lĩnh vực thuộc đời sống dân sự, trong đó khía cạnh quyền nhân thân gắn liền mật thiết với mỗi cá nhân, mọi sự vướng mắc, bỏ sót hay ngăn cản việc thực hiện quyền nhân thân nào cũng sẽ gây ảnh hưởng sâu sắc tới việc thực hiện, bảo vệ các quyền dân sự có liên quan khác của cá nhân cũng như các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế cũng là một yếu tố cần được cân nhắc, và quan trọng hơn, vẫn là nhu cầu và thực tế cần phải thay đổi các quy định pháp luật để công tác quản lý nhà nước được thuận lợi hơn, phục vụ cho cuộc sống của người dân tốt hơn và giảm bớt kỳ thị xã hội đối với các nhóm thiểu số...Hiện tại, pháp luật Việt Nam đã cho phép thực hiện chuyển đổi giới tính, tuy nhiên cá nhân nào được thực hiện chuyển đổi giới tính; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào được phép thực hiện chuyển đổi giới tính; quy trình chuyển đổi giới tính như thế nào; thủ tục công nhận người chuyển đổi giới tính để thay đổi giấy tờ hộ tịch... thì chưa được quy định cụ thể. Do vậy, cần thiết đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thông qua Luật chuyển đổi giới tính, trước hết phải giải quyết việc chuyển đổi giới tính

trong mối tương quan với quy định tại Bộ luật dân sự 2015 khi tiến hành xây dựng Luật liên quan đến chuyển đổi giới tính (vì thực tế vẫn đang diễn ra những tranh luận xoay quanh tên gọi của Luật này là “Luật chuyển đổi giới tính” hay “Luật thay đổi giới tính”), do vậy cần lý giải hợp lý quy định này từ đó xác định phù hợp nhất về phạm vi điều chỉnh và cấu trúc nội dung của luật. Theo Điều 37 Bộ luật dân sự 2015 cần làm rõ ý nghĩa của điều luật là công nhận chuyển đổi giới tính dưới góc độ pháp luật hay công nhận chuyển đổi giới tính dưới góc độ y tế, từ đó xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật về chuyển đổi giới tính dưới lăng kính y khoa hay dưới lăng kính tư pháp, hay cả hai. [3, tr59-68]. Tuy nhiên, theo tôi Luật nên điều chỉnh các nội dung cơ bản như: điều kiện đối với cá nhân yêu cầu chuyển đổi giới tính, điều kiện đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hiện xác định tâm lý, can thiệp y học để chuyển đổi giới tính; hồ sơ thủ tục liên quan đến y học để chuyển đổi giới tính; quy định các hành vi bị nghiêm cấm như phân biệt, kỳ thị, xúc phạm danh dự, nhân phẩm đối với cá nhân yêu cầu chuyển đổi giới tính...

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng và ban hành luật chuyển đổi giới tính cũng cần chú ý đến việc hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này. Một trong những nội dung quan trọng đặt ra khi luật chuyển đổi giới tính được thông qua là phải hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến các cơ sở chữa bệnh có khả năng thực hiện can thiệp y học để chuyển đổi giới tính, trước đây, Điều 36 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định cho phép cá nhân có quyền được xác định lại giới tính song chỉ trong trường hợp giới tính bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác, sau đó được cụ thể hoá trong Nghị định số 88/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về việc xác định lại giới tính, trong đó có quy định về điều kiện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định lại giới tính. Tuy nhiên, việc chuyển đổi giới tính ngược lại so với xác định lại giới tính đó là được thực hiện trong trường hợp cá nhân có giới tính định hình chính xác (giới tính đã hoàn thiện) và can thiệp y học để chuyển đổi giới tính là một hoặc toàn bộ quá

trình từ điều trị nội tiết tố đến phẫu thuật ngực, phẫu thuật bộ phận sinh dục để thay đổi giới tính khác với giới tính sinh học hoàn thiện...vì vậy, cần có các quy định pháp luật điều chỉnh vấn đề kỹ thuật phức tạp đó và liên quan đến tính mạng con người, cũng như các quy định liên quan đến quy trình thực hiện, nghiệp vụ chuyên môn y khoa, cơ sở vật chất, nhân lực để có thể thực hiện được phẫu thuật chuyển đổi giới tính, thủ tục công nhận chuyển đổi giới tính...[2, tr3,4]. Mặt khác, việc chuyển đổi giới tính còn liên quan đến pháp luật về hộ tịch; pháp luật về hôn nhân gia đình khi người chuyển đổi giới tính đã kết hôn trước đó, sau khi thay đổi giới tính, thay đổi hộ tịch vẫn đang trong quan hệ hôn nhân và gia đình thì sẽ xuất hiện trên thực tế tình trạng “hôn nhân đồng giới”, vấn đề này không được thừa nhận trong Luật hôn nhân và gia đình hiện nay; pháp luật về thi hành án hình sự, tạm giữ, tạm giam sẽ phải quy định riêng chế độ ở đối với người chuyển đổi giới tính, chống phân biệt, đối xử đối với người chuyển đổi giới tính; pháp luật về lao động nhằm bảo đảm quyền lợi cho người chuyển đổi giới tính sau khi đã thực hiện can thiệp y học để chuyển đổi giới tính...

3.2.1.3. Tiếp tục thực hiện hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

BĐG không chỉ là vấn đề quốc gia mà là vấn đề mang tính toàn cầu, do đó, Việt Nam cần có những tham gia có hiệu quả và đóng góp tích cực trên các diễn đàn quốc tế để từ đó có kinh nghiệm trong giải quyết giới và BĐG, cũng như tranh thủ thu hút nguồn vốn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các quốc gia để thực hiện các mục tiêu về BĐG. Tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về nghiên cứu pháp luật thông qua việc thường xuyên tổ chức các hội thảo khu vực và quốc tế nhằm tìm hiểu nội dung các công ước của Liên Hiệp quốc liên quan trực tiếp và gián tiếp đến việc bảo đảm các quyền của phụ nữ, kể cả những Công ước các quốc gia tham dự hội thảo chưa tham gia, ký kết, phê chuẩn. Các hội thảo này sẽ là những diễn đàn thích hợp giúp các quốc gia tham dự có điều kiện trao đổi kinh nghiệm áp dụng các Công ước này trong hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, một mặt chỉ ra những điểm

cần bổ sung cho công ước để phù hợp với thực tiễn đời sống quốc tế; mặt khác, rút ra những bài học trong công tác nội luật hoá và thực hiện có hiệu quả những công ước đó trong hoàn cảnh thực tiễn quốc gia mình.

3.2.2. Các giải pháp cụ thể

3.2.2.1. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Thực tiễn cho thấy, pháp luật dù có tốt đến đâu nhưng không được tổ chức thực hiện có hiệu quả và người dân không biết đến thì pháp luật đó cũng vô nghĩa, có pháp luật BDG tốt chưa đủ mà còn cần có những hoạt động cụ thể để tổ chức thực hiện đưa pháp luật BDG vào đời sống. Vì vậy, cần tuyên truyền sâu rộng tới nhân dân để hiểu rõ, hiểu đầy đủ về BDG, bởi lẽ, đấu tranh cho sự bình đẳng nam, nữ không phải là trách nhiệm của phụ nữ và các cơ quan bảo vệ phụ nữ mà còn là trách nhiệm chung của mỗi công dân và của toàn xã hội. Bên cạnh đó, để thực hiện tốt BDG trong gia đình, góp phần nâng cao chất lượng dân số, trước hết, cần tăng cường tuyên truyền giáo dục các vấn đề giới, BDG trong gia đình được quy định trong các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta đặt ra, trên cơ sở đó, mỗi người ý thức tốt về vấn đề BDG trong gia đình sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng gia đình "no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc". Đặc biệt, cần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của nhân dân nói chung và tại địa phương nói riêng trong việc thực hiện Luật Bình đẳng giới để xây dựng ý thức trách nhiệm trong thực hiện BDG. Trách nhiệm thực hiện BDG không chỉ là của mỗi cá nhân, mà là trách nhiệm của mỗi gia đình, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp... Việc tuyên truyền sẽ giúp cho mọi công dân, nam, nữ hiểu được quyền của mình và cách thức thực hiện để đạt được BDG thực chất cũng như biết bảo vệ mình khi bị vi phạm. Để thực hiện có hiệu quả vấn đề này cần chú một số nội dung như:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới phương thức phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về BDG, tạo tính tích cực, chủ động trong việc tìm hiểu, nhận

thức bằng nhiều hình thức khác nhau như hình thức sân khấu hóa, áp dụng các phương thức hiện đại trong việc tuyên tải thông tin, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, phổ biến các văn bản Luật mới ban hành....Qua đó, hình thành ý thức tự giác, thói quen học tập nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, chính sách về BDG.

Thứ hai, lựa chọn nội dung phổ biến, tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, từng vùng miền. Chú trọng việc nêu gương tốt, điển hình trong thực hiện BDG, đồng thời tạo dư luận xã hội công khai qua công tác tuyên truyền với những vụ việc vi phạm về BDG.

Thứ ba, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong công tác tuyên truyền, cổ động, phổ biến từ góc độ giới và BDG. Trong đó, chú ý bảo đảm sự tham gia tích cực của Đoàn thanh niên, Hội LHPN...đây là những tổ chức có số lượng hội viên lớn, dễ phát huy lợi thế trong việc tuyên truyền, vận động, vì vậy việc tuyên truyền pháp luật BDG tới sẽ đem lại hiệu quả lớn. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền pháp luật BDG cần phải có kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp, được làm thường xuyên, liên tục tránh việc làm hình thức theo kiểu "đánh trống bỏ dùi".

Thứ tư, đẩy mạnh giáo dục khoa học giới và BDG trong hệ thống trường phổ thông, giúp cho thanh niên, thiếu niên nhận thức đúng những vấn đề giới và BDG phù hợp với lứa tuổi, từ đó, sẽ tạo cho các em có ý thức trách nhiệm về BDG trong xây dựng gia đình và xã hội. Đưa nội dung về giới và BDG vào các chương trình bồi dưỡng về quản lý nhà nước, đào tạo lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt.

3.2.2.2. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện có hiệu quả pháp luật về bình đẳng giới

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng là cơ sở nền tảng cho việc thực hiện tốt pháp luật về BDG, bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình cũng cần phải đảm bảo

các điều kiện quan trọng, cần thiết để nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các nội dung pháp luật về BDG, để thực hiện tốt được giải pháp này trong thời gian đến cần chú ý một số vấn đề sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện việc kiện toàn bộ máy thực hiện các chính sách, pháp luật về BDG ở địa phương (Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ). Hiện nay, tỉnh đã có một bộ máy thực hiện chiến lược về BDG từ cấp tỉnh đến các huyện và thành phố, với cơ cấu các thành viên là lãnh đạo chủ chốt ở tất cả các ngành, đơn vị, địa phương, đây có thể coi là một cơ sở vững chắc để triển khai chính sách, pháp luật về BDG “*Qua nhiều lần kiện toàn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, 04 Phó Trưởng Ban (Lãnh đạo: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh); 16 thành viên là đại diện Lãnh đạo các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan. Cấp huyện, thành phố đều thành lập Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ.* [31, tr9]. Tuy nhiên, dù đã được kiện toàn nhưng chất lượng hoạt động còn hạn chế, cán bộ làm công tác BDG huyện, thành phố và tỉnh hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm nên việc tham mưu, giúp việc cơ quan thường trực Ban còn nhiều hạn chế, số lượng cán bộ làm công tác BDG còn thiếu và thường xuyên thay đổi. Nhìn chung đội ngũ cán bộ làm công tác BDG còn mỏng và yếu cả về số lượng và chất lượng là một khó khăn, rào cản cho việc triển khai thực hiện pháp luật BDG. Để thực hiện pháp luật BDG đạt hiệu quả hơn nữa cần hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BDG từ tỉnh đến từng địa phương, đơn vị theo hướng tạo sự ổn định tương đối về đội ngũ cán bộ, khuyến khích phát triển đội ngũ cộng tác viên tại thôn, tổ dân phố ngày càng có chất lượng, kỹ năng nghiệp vụ ngày càng cao.

Thứ hai, tiếp tục nâng cao vai trò của Hội LHPN các cấp của tỉnh trong việc thực hiện chức năng đại diện của tổ chức, chủ động, tích cực tham mưu, đề xuất, tham gia xây dựng, thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định

pháp luật về BDG. Đẩy mạnh công tác tham mưu, đề xuất, tham gia giám sát và phản biện xã hội các chính sách, pháp luật về BDG; giới thiệu nguồn cán bộ nữ vào quy hoạch; tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên...thông qua đó khuyến khích mỗi hội viên không ngừng nâng cao sự hiểu biết, kiến thức xã hội, chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức về BDG, xây dựng hình ảnh phụ nữ thời đại mới, hình thành những giá trị, chuẩn mực mới.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công nói chung và cán bộ, công chức làm công tác có liên quan đến BDG đủ năng lực và kinh nghiệm thực thi pháp luật về BDG và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chất lượng và hiệu quả công tác thực hiện pháp luật về BDG phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, trách nhiệm và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện. Thực tế cho thấy, có nhiều trường hợp cán bộ, công chức làm công tác BDG nhưng vẫn chưa nắm và am hiểu đầy đủ pháp luật liên quan đến vấn đề này. Do vậy muốn nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và BDG cần có các giải pháp đồng bộ để nâng cao năng lực và trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo bố trí cán bộ có đủ năng lực, trách nhiệm cao, am hiểu về các công việc có liên quan đến chiến lược quốc gia về BDG để làm tốt công tác tham mưu hoạt động này.

Thứ tư, bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho các hoạt động về BDG. Bởi lẽ, một trong những nguyên nhân dẫn tới pháp luật BDG còn chưa được thực hiện tốt là do kinh phí dành cho nội dung hoạt động này còn ít, có thể bị tùy tiện cắt giảm, điều chỉnh...Vì vậy, nhà nước cần có chính sách ưu tiên trong quá trình lập ngân sách, việc quan tâm đến vấn đề này sẽ làm giảm những bất BDG vì sẽ thể hiện kinh phí được sử dụng vào việc gì, cho ai, trong các giai đoạn phân tích, lập kế hoạch, phân bổ, chi tiêu và rà soát ngân sách. Trong đó, cần thể hiện những nội dung chính như: Chi tiêu chung và chi tiêu chuyên biệt về giới, (chi tiêu chung là ngân sách chung để chi tiêu cho toàn bộ người dân ví dụ ngân sách cho sức khỏe, giáo dục, giao thông và việc làm. Bên cạnh đó,

cần chú ý huy động sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, đơn vị kinh tế trên địa bàn toàn tỉnh, sử dụng hợp lý các nguồn tài chính từ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

3.2.2.3. Nâng cao hiệu quả việc thực hiện lồng ghép bình đẳng giới

Lồng ghép giới là một chiến lược được chấp nhận trên toàn cầu để thúc đẩy BĐG, bản thân nó không phải là một mục tiêu mà là một chiến lược, một cách tiếp cận, một cách thức để đạt được mục tiêu BĐG. Lồng ghép giới đòi hỏi đảm bảo rằng, các triển vọng và quan tâm về giới đối với mục tiêu BĐG là trung tâm của tất cả các hoạt động như phát triển chính sách, nghiên cứu, vận động ủng hộ, đối thoại, pháp luật, phân bổ nguồn lực và lập kế hoạch, thực hiện và theo dõi các chương trình, dự án. Thực hiện việc lồng ghép giới một cách bài bản và khoa học trong suốt một quá trình từ khi xây dựng văn bản, chu trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm...nhằm đảm bảo sự khác biệt về các nhu cầu của nam giới và phụ nữ phải được quan tâm liên tục, thường xuyên. Trong quy trình lồng ghép giới, nội dung quan trọng nhất đối với địa phương tỉnh Quảng Ngãi là phải thực hiện tốt việc lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Bởi lẽ, việc lồng ghép vấn đề BĐG trong quá trình xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng và hoạch định chính sách, xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội là rất quan trọng, tạo tiền đề pháp lý để thực thi BĐG trên thực tế. Lồng ghép giới là đảm bảo các thể chế, chính sách, chương trình và dự án đáp ứng nhu cầu và lợi ích của tất cả các thành viên xã hội và phân phối lợi ích cho cả nam giới và phụ nữ một cách bình đẳng.

Thực hiện việc lồng ghép giới cần tập trung vào các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, thực hiện lồng ghép giới vào quá trình hoạch định và thực thi các chính sách, lồng ghép BĐG trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, lồng ghép vấn đề BĐG vào quá trình xây dựng và thực hiện các hương ước,

quy ước ở cơ sở để góp phần tích cực xóa bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu và tư tưởng trọng nam hơn nữ...

Thứ hai, thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đây là một nội dung lồng ghép giới đóng một vai trò quan trọng, vì thực hiện tốt nội dung này sẽ tạo ra cơ sở pháp lý làm căn cứ thúc đẩy việc thực hiện các nội dung về BDG, theo đó quá trình xây dựng xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, nội dung lồng ghép vấn đề BDG và các tiêu chí để đánh giá việc lồng ghép vấn đề BDG là một yêu cầu trong các báo cáo thẩm định. Hiện nay Bộ Tư pháp cũng đã xây dựng tài liệu hướng dẫn lồng ghép vấn đề BDG trong hoạt động trợ giúp pháp lý và tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng tài liệu này cho cán bộ thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý, do vậy các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh cần tiếp tục thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo nguyên tắc BDG tại địa phương. Do vậy, trong thời gian đến để công tác này đạt hiệu quả cao, các cấp, các sở, ban, ngành cần phải nâng cao nhận thức, nâng cao vai trò, trách nhiệm, năng lực trong việc thực thi các quy định của pháp luật về BDG, tăng cường sự phối hợp, kết nối giữa các ngành liên quan; tập huấn cho cán bộ làm công tác pháp chế về kỹ năng xây dựng, phân tích, đánh giá và lồng ghép giới trong xây dựng kế hoạch, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến yếu tố giới, BDG hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới

3.2.2.4. Tăng cường công tác giáo dục, đào tạo nhằm xóa bỏ định kiến giới, tạo ra cái nhìn mới về giới và bình đẳng giới

Để thực hiện có hiệu quả pháp luật về BDG, giải pháp có tính căn cơ là cần xóa bỏ định kiến giới, tạo ra cái nhìn mới về giới và BDG. Muốn làm tốt được điều này tại địa phương, trong thời gian đến cần:

Thứ nhất, thực hiện việc giáo dục giới và BDG ngay tại gia đình, đây

chính là môi trường giáo dục ban đầu, mang tính thường xuyên, liên tục. Trong đó, cha mẹ phải là tấm gương cho con cái học tập, vợ chồng bình đẳng, cùng nhau chia sẻ công việc nhà, chăm sóc con cái, trong gia đình bố mẹ đối xử với con trai như với con gái, tôn trọng và khuyến khích lẫn nhau trong mọi hoạt động.

Thứ hai, tăng cường giáo dục BDG trong nhà trường, các thầy cô cần có thái độ đối xử đúng mực giữa học sinh nam và học sinh nữ. Giáo dục BDG trong nhà trường là một quá trình lâu dài, cần đưa vào chương trình giáo dục các cấp học về BDG một cách có hệ thống, nhất quán và kiên trì thực hiện. Giáo dục ngay từ cấp mầm non, tiểu học cho đến trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học. Lồng ghép vào nội dung sách giáo khoa một cách phù hợp để có thể phổ biến kiến thức về BDG. Giáo dục BDG trong nhà trường cần chú ý quan tâm đến vùng nông thôn, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số. Để đạt được hiệu quả trong giáo dục tại nhà trường về BDG cần xây dựng đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn, có khả năng nhạy cảm giới, có khả năng sử dụng sách giáo khoa về giới và phương pháp phù hợp, bên cạnh đó, các cơ quan có thẩm quyền, nhà trường cũng cần trang bị về chương trình, giáo trình, đồ dùng về giảng dạy giới. Cần tiếp tục nỗ lực chuyển đổi nội dung tài liệu giáo dục và sách giáo khoa để phá vỡ những định kiến về giới, có những biện pháp khuyến khích trẻ em gái tham gia học tập ở các lĩnh vực khác nhau.

3.2.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Công tác kiểm tra, giám sát sẽ góp phần đánh giá được chính xác việc thực thi pháp luật về BDG, do vậy cần xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

Thứ nhất, đối với công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BDG: Các cơ quan nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cần thực hiện tốt việc kiểm tra...để làm tốt cần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thanh

tra về kiến thức, kỹ năng thanh tra về BDG bằng cách thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo nhằm tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức BDG cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, công tác kiểm tra cần phải làm thường xuyên, liên tục, có kế hoạch hoặc đột xuất. Bên cạnh đó, sau kiểm tra cần thực hiện tốt các quy định về xử phạt, thực tế hầu hết các quy định trong các văn bản luật liên quan đến BDG đều không bị ràng buộc bởi các điều khoản chế tài nếu như không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mức, không đạt chỉ tiêu...Hiện nay Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về BDG và mức phạt tương ứng trong từng lĩnh vực cụ thể, Nghị định cũng phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, quy định về các thủ tục áp dụng hình thức xử phạt hành...Tuy nhiên, thực tế quá trình thực hiện pháp luật về BDG ở địa phương cho thấy rất ít trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử lý vi phạm theo quy định này. Do đó, cần đẩy mạnh triển khai, kiên quyết thực hiện các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật bình đẳng giới, trong đó có Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về BDG, đây là công cụ pháp lý quan trọng để xử lý về bình đẳng giới trong các lĩnh vực.

Thứ hai, đối với công tác giám sát việc thực hiện pháp luật về BDG: Giám sát việc thực hiện pháp luật về BDG là một trong những nội dung quan trọng của hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật nói chung. Việc giám sát chủ yếu do cơ quan dân cử ở địa phương thực hiện, bên cạnh đó còn là công việc của các tổ chức chính trị - xã hội, nội dung giám sát chủ yếu tập trung vào việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật; việc thực hiện luật, nghị quyết, nghị định liên quan đến BDG; giám sát việc tuân thủ pháp luật BDG. Tuy nhiên, công tác này thời gian qua chưa được thực hiện tốt, đặc biệt là đối với thực hiện các kiến nghị sau giám sát, cũng như hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Do đó, trong thời gian đến cần chú trọng nhiều hơn nữa đến chất lượng của công tác này,

ngiên cứu thực hiện việc giám sát chuyên đề đối với việc thực hiện pháp luật về BDG, tăng cường chất lượng đại biểu HĐND, hoàn thiện có chế giám sát việc thực hiện các kiến nghị; tăng cường vai trò, chất lượng giám sát, phản biện chính sách, pháp luật về BDG của các tổ chức chính trị - xã hội.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận văn đã tập trung phân tích, làm rõ các phương hướng và giải pháp tăng cường thực hiện pháp luật về BDG nói chung và địa phương cần tiếp tục thực hiện. Các phương hướng được xác định dựa trên quan điểm của Đảng về BDG, tình hình thực tiễn của địa phương và yêu cầu mới trong thực hiện pháp luật về BDG. Đặc biệt, chương 3 luận văn đã đưa ra hệ thống các giải pháp cần phải thực hiện để tăng cường thực hiện pháp luật về BDG, các giải pháp này được xác định dựa trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận về BDG, pháp luật về BDG và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua, với mong muốn thực hiện pháp luật về BDG vừa đáp ứng điều kiện đặc thù của địa phương, trong nước và phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Các giải pháp nêu trên là một hệ thống hoàn chỉnh từ khâu nhận thức vấn đề về BDG, pháp luật về BDG, tổ chức thực hiện...các giải pháp này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nên cần được thực hiện một cách đồng bộ nhằm tạo hành lang, môi trường pháp lý BDG thuận lợi, bảo đảm cho vấn đề BDG giới nói chung và thực hiện pháp luật về BDG được thực hiện có hiệu quả cao nhất.

KẾT LUẬN

BĐG và thực hiện pháp luật về BĐG là một vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật nhằm bảo vệ quyền và ưu tiên sự phát triển cho phụ nữ. Quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về BĐG trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả lớn, tuy nhiên, thực hiện pháp luật về BĐG vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới hiện nay.

Xuất phát từ đặc điểm vai trò của phụ nữ, từ thực tiễn xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật về BĐG, tác giả đã tìm hiểu, phân tích những vấn đề lý luận liên quan đến thực hiện pháp luật về BĐG, thực trạng pháp luật về BĐG và phân tích, đánh giá quá trình thực hiện pháp luật về BĐG tại địa phương trên các lĩnh vực, trên cơ sở điều kiện cụ thể của địa phương đã đề xuất một số phương hướng, giải pháp thực hiện pháp luật về BĐG với mong muốn tiếp tục tăng cường hơn nữa việc thực hiện pháp luật về BĐG tại địa phương trong thời gian đến.

Trong phạm vi nhất định của luận văn, là người đang công tác liên quan đến lĩnh vực này, tác giả nhận thức được được vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện trên thực tế pháp luật về BĐG tại địa phương. Với nhận thức nêu trên, tác giả mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào sự phát triển của phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi và hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện BĐG được tốt hơn. Để thực hiện có hiệu quả nội dung này trong thời đến, đòi hỏi các cấp ủy Đảng, các cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức trên địa bàn phải quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề này, đổi mới nhận thức và phương pháp quản lý, tổ chức thực hiện, ưu tiên đầu tư các nguồn lực, đồng thời nhận thức được những hạn chế, bất cập, nguyên nhân và thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục.

Thực hiện có hiệu quả pháp luật BDG tại địa phương là trách nhiệm chung của cả nước và của toàn bộ hệ thống chính trị, các tổ chức khác và nhân dân trên tỉnh Quảng Ngãi, do vậy, đòi hỏi việc thực hiện phải có sự tham gia, phối hợp của nhiều cấp, nhiều ngành trong quá trình ban hành chính sách, pháp luật; tổ chức thực thi các chính sách, pháp luật trên thực tế đời sống xã hội, điều này đòi hỏi các cấp ủy Đảng cần phát huy vai trò lãnh đạo, tiên phong trong việc thực hiện pháp luật về BDG sẽ tạo nền tảng chính trị quan trọng cho việc thực hiện có hiệu quả pháp luật về BDG.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Minh Anh (2016), “Giải pháp tăng cường tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 5.
- [2]. Bộ Y tế (2017), *Báo cáo đánh giá tác động của chính sách dự án luật về chuyển đổi giới tính*.
- [3]. Nguyễn Thị Phương Châm, Ngô Thanh Hương, Nguyễn Quang Duy (2017), “Pháp luật của Nhật Bản về thay đổi giới tính - Gợi mở phương hướng hài hòa với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Luật học Tập 33 Số 4.
- [4]. Cục thống kê tỉnh Quảng Ngãi, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2017*.
- [5]. Phạm Thi Lê Dung (2017), *Thực hiện chính sách bình đẳng giới từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sỹ Chính sách công, Học viện KHXH.
- [6]. Hà Thị Thùy Dương, (2015), “Kinh nghiệm bình đẳng giới ở một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* số 10.
- [7]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Vũ Công Giao, Nguyễn Hoàng Hà (2018), “Hoàn thiện pháp luật về lao động cưỡng bức ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Pháp luật về Quyền con người*, số 2.
- [9]. Phạm Võ Quỳnh Hạnh (2016), “Bảo đảm bình đẳng giới trong chính trị ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*.
- [10]. Bùi Thị Thanh Hà (2017), *Thực hiện chính sách về bình đẳng giới từ thực tiễn khối cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng*, Luận văn thạc sỹ chính sách công, Học Viện KHXH.

- [11]. Lê Thị Hằng (2012), *Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sỹ, Khoa luật Đại học QGHN.
- [12]. Nguyễn Thanh Hiền, *Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng giới ở Việt Nam*, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phapluat.aspx?ItemID=327>.
- [13]. Lê Ngọc Hùng – Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2003), *Xã hội học về giới và phát triển*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- [14]. Lê Thị Thu Hương (2016), *Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện KHXH.
- [15]. Trần Thị Quốc Khánh (2012), *Hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ.
- [16]. Dương Thị Ngọc Lan (2013), *Hoàn thiện pháp luật về quyền lao động nữ ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn luật học.
- [17]. Liên hiệp quốc, *Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*, năm 1979.
- [18]. Liên hợp quốc (1995), *Cương lĩnh Bắc Kinh*.
- [19]. Liên Hợp Quốc, UN Women, *Báo cáo của tổ chức Tiến bộ của phụ nữ thế giới 2015 – 2016, Chuyển đổi các nền kinh tế, thực hiện quyền con người*.
- [20]. Liên hiệp quốc, Tổ chức lao động quốc tế (ILO), *Công ước về lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc 1930*.
- [21]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật bình đẳng giới 2006*.
- [22]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp năm 2013*
- [23]. Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, *Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Luật*

bình đẳng giới của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch từ năm 2007-2017.

- [24]. Tỉnh ủy Quảng Ngãi, *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*
- [25]. Đỗ Thị Thạch (2005), *Phát huy nguồn lực nữ tri thức Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB CTQG.
- [26]. Trịnh Đình Thê, (2007), *Suy nghĩ về bình đẳng giới dưới góc nhìn pháp luật*, NXB Tư pháp.
- [27]. Trần Thị Minh Thi (2017), *Bình đẳng giới trong chính trị ở Việt Nam hiện nay - Những chiều cạnh thể chế, văn hóa và hội nhập quốc tế*, NXB KHXH.
- [28]. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 2351/QĐ-TTg về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020.*
- [29]. Trường Đại học luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp.
- [30]. Trường Đại học Luật Hà nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb CAND, 2004.
- [31]. Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ, *Báo cáo sơ kết 07 năm thực hiện Kế hoạch hành động Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.*
- [32]. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐG giai đoạn 2011-2020 tỉnh Quảng Ngãi.*
- [33]. Viện Ngôn ngữ học, *Từ Điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê (2000), Nxb Đà Nẵng.